



NIỀM TIN & KHÁT VỌNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2018**

NỘI DUNG

- 04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 06 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 08 Chặng đường phát triển
- 12 Câu chuyện MBS
- 18 Kết quả tài chính nổi bật năm 2018

22 TỔNG QUAN VỀ MBS

- 22 Giới thiệu chung
- 23 Lĩnh vực hoạt động
- 24 Mạng lưới
- 25 Sơ đồ tổ chức
- 26 Danh hiệu và giải thưởng đạt được
- 28 Thông tin dành cho cổ đông
- 32 Giới thiệu HĐQT
- 34 Giới thiệu BDH
- 36 Giới thiệu BKS
- 38 Quản trị rủi ro

40 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 40 Thành viên, cơ cấu và hoạt động của HĐQT
- 41 Các Tiểu ban trực thuộc HĐQT
- 42 Thành viên, cơ cấu và hoạt động của BKS
- 43 Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS

46 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2018 ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2019

- 46 Tổng quan thị trường TCCK năm 2018
- 47 Báo cáo của HĐQT
- 54 Báo cáo của Ban Điều hành
- 62 Báo cáo của BKS
- 64 Định hướng chiến lược hoạt động năm 2019

70 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 70 Tổng quan Báo cáo Phát triển bền vững
- 72 Các chỉ số phát triển bền vững 2018
- 73 Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan
- 76 Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan
- 80 Hiệu quả hoạt động kinh tế
- 81 Chỉ tiêu môi trường
- 81 Chỉ tiêu xã hội
- 92 Định hướng chiến lược phát triển bền vững

95 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NIỀM TIN & KHÁT VỌNG

“ Những kết quả có được mới chỉ là lúa quả ngọt đầu tiên mà chúng tôi gặt hái sau những nỗ lực không ngừng nghỉ của cả một tập thể với niềm tin về sự hồi sinh và khát vọng vươn lên của MBS.

Kính thưa Quý Cổ đông, Đối tác và CBNV MBS!

Được nảy mầm và sinh trưởng từ một hạt giống tốt, vượt qua bao biến cố khắc nghiệt của không gian và thời gian, mầm cây MBS vẫn vươn lên bền bỉ, kiên trì bám trụ bất chấp mọi thử thách và phát triển mạnh mẽ trong suốt hơn 18 năm qua. Mỗi cá nhân, mỗi con người MBS chính là một phần quan trọng, đóng góp vào sự hình thành, phát triển để có được một MBS vững vàng và lớn mạnh như ngày hôm nay.

Năm 2018 là dấu mốc kết thúc cho chặng đường 5 năm tái cấu trúc đầy gian nan cùng nhiều thử thách khắc nghiệt. Tuy nhiên, với niềm tin và khát vọng mãnh liệt cùng sự đồng lòng quyết tâm của toàn thể anh chị em CBNV, chúng tôi tự tin đã vượt qua được giai đoạn khó khăn nhất và sẵn sàng cho những vận hội mới đang chờ đón ở tương lai.

Kết quả kinh doanh năm 2018 của MBS đạt con số tăng trưởng tốt nhất trong 5 năm trở lại đây: doanh thu tăng gần 25%, lợi nhuận trước thuế tăng hơn 8 lần so với năm 2017. Cùng với đó, MBS tiếp tục giữ vững vị trí TOP 5 thị phần môi giới toàn thị trường, đạt TOP 5 doanh thu Dịch vụ Ngân hàng đầu tư và giành liên tiếp 2 giải thưởng quốc tế uy tín về Dịch vụ Ngân hàng đầu tư do Tạp chí World Finance bình chọn.

Những kết quả có được mới chỉ là lúa quả ngọt đầu tiên mà chúng tôi gặt hái sau những nỗ lực không ngừng nghỉ của cả một tập thể với niềm tin về sự hồi sinh và khát vọng vươn lên của MBS. Bối cảnh thị trường ở thời điểm nào cũng có những khó khăn và cơ hội nhất định, tuy nhiên chúng tôi vẫn luôn kiên định lấy con người làm trọng tâm, tôn trọng và đề cao những giá trị sáng tạo, sự nhiệt huyết và tận tâm cống hiến của từng cá nhân trong đại gia đình MBS.

Song hành cùng nguồn nhân lực chất lượng tốt, chúng tôi đã và đang liên tục ứng dụng những tiến bộ công nghệ vượt trội của kỷ nguyên số để mang tới những giải pháp giao dịch, đầu tư thuận tiện và phù hợp nhất dành cho khách hàng, đồng thời đa dạng hóa các loại hình sản phẩm, đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ tài chính đối với các nhà đầu tư. Thế mạnh về Dịch vụ Ngân hàng đầu tư và Kinh doanh trái phiếu sẽ là mục tiêu được tập trung đẩy mạnh trong thời gian tới để MBS nhanh chóng tiếp cận và triển khai hợp tác với những đối tác chiến lược nước ngoài.

Thành công của chúng tôi cũng là thành công của cổ đông, của khách hàng, của đối tác và của nhà đầu tư. Chúng tôi hy vọng sẽ tiếp tục được đồng hành cùng quý vị và cùng nhau tạo ra nhiều giá trị thiết thực cho người lao động, cho doanh nghiệp và cho cộng đồng, đồng thời nỗ lực mang thương hiệu của một tổ chức tài chính Việt vươn ra thị trường thế giới!

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV đã luôn đồng lòng và sát cánh cùng MBS cho tới ngày hôm nay.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

LÊ QUỐC MINH

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



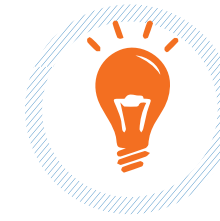
TẦM NHÌN

CÔNG TY CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT CHO KHÁCH HÀNG.



SỨ MỆNH

MANG ĐẾN CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀ TĂNG TRƯỞNG TÀI CHÍNH CHO TỪNG KHÁCH HÀNG VÀ CỔ ĐÔNG.



SÁNG TẠO
ĐI KÈM THỰC TIỄN



MẮN CÁN



TÔN TRỌNG
VÀ HỌC TẬP



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TINH THẦN
ĐỒNG ĐỘI



TRÁCH NHIỆM VÀ
PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN



Năm 2000

- Thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân đội, vốn điều lệ 9 tỷ đồng.
- Là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên của TTCK Việt Nam.

Năm 2006

- Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.

Năm 2003

- Tăng vốn điều lệ lên 43 tỷ đồng.
- Khai trương Chi nhánh Hồ Chí Minh tại TP. HCM.

Năm 2008

- Tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng.

Năm 2007

- Cổ phần hóa, tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Năm 2009

- Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng.
- Khai trương Chi nhánh Hải Phòng.
- Đứng đầu thị phần môi giới tại HSX và HNX.

Năm 2010

- Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng.
- Đứng đầu thị phần môi giới tại HSX và HNX.

Năm 2012

- Đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán MB.
- Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu.
- Khai trương Chi nhánh Hà Nội tại Hà Nội.

Năm 2013

- Hợp nhất với Công ty Chứng khoán VITS nhưng giữ nguyên tên gọi Công ty CP Chứng khoán MB.
- Tăng vốn điều lệ lên 1.221 tỷ đồng.
- Khai trương Chi nhánh Hoàn Kiếm tại Hà Nội.

Năm 2016

- Niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX.
- Khai trương Chi nhánh Sài Gòn tại TP. HCM.
- Khai trương Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại TP. HCM.

Năm 2017

- Kết thúc 5 năm tái cấu trúc thành công.

Năm 2018

- Kết quả kinh doanh vượt trội.
- Đạt giải thưởng quốc tế về hoạt động IB.



Để phát triển lâu dài, ngân hàng cần có cái nhìn xa hơn về việc đa dạng ngành nghề kinh doanh, trong đó có lĩnh vực chứng khoán, một lĩnh vực mới mẻ với thị trường tài chính Việt Nam lúc bấy giờ. Đây chính là lý do Chứng khoán Thăng Long ra đời.

Ông **LÊ VĂN BÉ**

Nguyên Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội, Nguyên Chủ tịch MBS

Có thể khẳng định rằng, gần 20 năm qua, mặc dù có những giai đoạn khó khăn nhưng MBS đã từng bước tăng trưởng một cách bền vững, trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam và là thành viên không thể thiếu của Tập đoàn tài chính MB. Thành công đó bắt nguồn từ tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển hết sức thuyết phục cùng với một đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, nhiệt tình, đam mê, gắn bó và đặc biệt là sự gắn kết, hỗ trợ tích cực và có hiệu quả của cả Tập đoàn MB.

Với tư cách cổ đông, tôi tin tưởng MBS sẽ luôn là một thương hiệu hàng đầu, một địa chỉ tin cậy, đối tác tin cậy, khách hàng tin cậy của các nhà đầu tư và của khách hàng trong và ngoài nước.

CÂU CHUYỆN MBS

GIAI ĐOẠN 2009 - 2010



Nguyễn Việt Dũng - Trưởng phòng Môi giới SGD 01, Sở Giao dịch

"Thời điểm ấy, hầu hết các nhân sự giỏi của các công ty chúng khoán đều quy tụ về Thăng Long. Với các chính sách rất cạnh tranh về thu nhập, đãi ngộ cùng với việc áp dụng các sản phẩm đi đầu trên thị trường, Thăng Long ngày ấy đã dễ dàng chiếm lĩnh ngôi đầu thị phần môi giới. Thương hiệu Thăng Long đã trở thành một thương hiệu chúng khoán lớn, có sức cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường."

"Đó là một kỷ ức đẹp khi Thăng Long vượt qua SSI để đứng đầu thị phần môi giới khiến chúng tôi tin vào một tương lai tươi sáng với nghề môi giới tại một công ty chúng khoán hàng đầu. Nhưng niềm vui cũng chỉ được hai năm, sau đó thị trường bắt đầu điều chỉnh. Môi giới chúng tôi nhận ra giai đoạn thăng hoa đó cũng chỉ là sự hồi phục sau đợt khủng hoảng 2007 - 2008. Thị trường có rất nhiều bất ngờ không đoán trước được."



Trần Đỗ Ngọc Dịu - Chuyên viên Môi giới KHCNCC, Phòng Môi giới HCM 08, Chi nhánh HCM

GIAI ĐOẠN TÁI CẤU TRÚC 2012 - 2017



Vương Mỹ Hằng - Giám đốc Sở giao dịch, Nguyên Giám đốc Khối Nhân sự Tổng hợp

"Nghĩ lại về giai đoạn này mới thấy con người MBS thật kiên cường. Khó khăn đến từ đủ hướng nhưng vẫn chia sẻ, hy sinh lợi ích cá nhân để cống hiến cho công ty một cách tự nguyện và đồng lòng gắn kết chờ đến ngày MBS tươi sáng trở lại."

Rất nhiều người chủ động có, bị động có đã rời khỏi MBS do áp lực công việc, áp lực về thu nhập và đặc biệt là do niềm tin về một MBS vững mạnh đã bị lung lay. Nhưng có người rời bỏ thì lại có người mới tìm đến, thậm chí cũng có những người rời bỏ rồi nhưng lại quay về MBS không chỉ bởi tình yêu với mái nhà chung vẫn còn mà quan trọng hơn là họ nhìn thấy MBS đã vững vàng, nhìn thấy những giá trị mà MBS vẫn lưu giữ được, nhìn thấy cơ hội phát triển của MBS và của bản thân mình trong đó."

"Năm 2011, khi thị trường đã có nhiều sự biến động, rủi ro về chính sách dần lộ diện khi những khoản margin của công ty có dấu hiệu quá tải và không kiểm soát được. Thời điểm 2011 - 2013 là quãng thời gian chúng tôi cảm thấy khó khăn nhất, hơn cả giai đoạn thị trường khủng hoảng, vì một loạt nhân sự cấp cao ra đi và đau nhất là công ty mất 1/2 vốn, nhiều nhân sự môi giới giỏi phải rời đi để đầu quân cho một công ty hiệu quả hơn. Tôi cũng đã có lúc nghĩ như vậy. Nhưng với niềm tin vào sự thay đổi của Ngân hàng mẹ và thể hệ lãnh đạo mới, chúng tôi xác định sẽ tiếp tục gắn bó và vượt qua những khó khăn để kỳ vọng vào một tương lai mới tươi sáng hơn."



Phạm Xuân Cảnh - Trưởng phòng Môi giới BSG 01, Chi nhánh Bắc Sài Gòn



Tổng doanh thu năm 2018

1.053,9

TỶ ĐỒNG



Sự kiện hợp nhất với Công ty Chứng khoán VITS và đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) năm 2013 là bước đi chiến lược và mở ra hướng phát triển mới cho Công ty với cấu trúc tài chính lành mạnh và hiệu quả hơn.

Thượng tướng **LÊ HỮU ĐỨC**

Chủ tịch Ngân hàng TMCP Quân đội

Cuối năm 2010, thị trường tài chính thế giới và trong nước khủng hoảng, Chứng khoán Thăng Long (tiền thân của Chứng khoán MB) khi đó cũng phải đối mặt với không ít thách thức.

Là Ngân hàng mẹ, Ngân hàng Quân đội khi đó phải cân nhắc trước quyết định mang tính sống còn là có tiếp tục đồng hành cùng Công ty vượt qua khó khăn hay không? Với quyết tâm đưa Chứng khoán Thăng Long hồi phục và tiếp tục phát triển, HĐQT MB đã kiện toàn bộ máy quản trị điều hành Công ty. Đồng chí Lưu Trung Thái khi đó là Phó TGD MB đã nhận trọng trách Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty để triển khai sát sao các định hướng, chỉ đạo của HĐQT MB; tập trung hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao chất lượng dịch vụ và củng cố lòng tin của khách hàng.

Đến thời điểm hiện tại, MBS đã hoàn thành tái cấu trúc và đạt được những kết quả vượt trội theo đúng định hướng chiến lược mà MB đã đề ra.

CÂU CHUYỆN MBS (TIẾP THEO)

NĂM 2018



Lê Mạnh Linh - Trưởng nhóm Phát triển công nghệ,
Phòng Phát triển phần mềm, Trung tâm CNTT

"Đã có những lúc cảm thấy khó khăn khi phải lựa chọn rời bỏ MBS hay ở lại. Nhưng đến giờ tôi thấy lựa chọn ở lại là một lựa chọn đúng và trong suốt quãng thời gian ấy tôi chưa bao giờ cảm thấy lung lay, thậm chí lúc nào cũng kỳ vọng MBS sẽ có ngày quay trở lại đột phá."

Năm 2018 quả là một năm rất đáng nhớ. Công ty đã vượt qua khó khăn, kết quả kinh doanh vượt trội, đúng như những gì lãnh đạo cam kết và đúng như những gì chúng tôi mong đợi. Lương thưởng của CBNV tăng đều trong 3 năm gần đây khiến anh em rất phấn khởi. Đó chính là niềm vui nhân đôi."

"Ngay từ những ngày đầu làm việc, tôi đã biết MBS là nơi dùng chân. Không phải chỉ vì thương hiệu của một Công ty chứng khoán TOP đầu mà quan trọng là những con người ở MBS rất thân thiện, luôn cho tôi cảm thấy như được ở trong một gia đình, quan tâm và chỉ bảo tôi từng li từng tí những ngày đầu gia nhập."

Với tôi, ở MBS có thể lương không quá cao nhưng bù lại các chế độ, chính sách, các hoạt động chăm lo tới đời sống tinh thần và vật chất mà Công ty dành cho CBNV lại rất thường xuyên. Thêm nữa, cứ mỗi quý lại được nhận một khoản thưởng hiệu quả kinh doanh khiến ai cũng thấy vui."

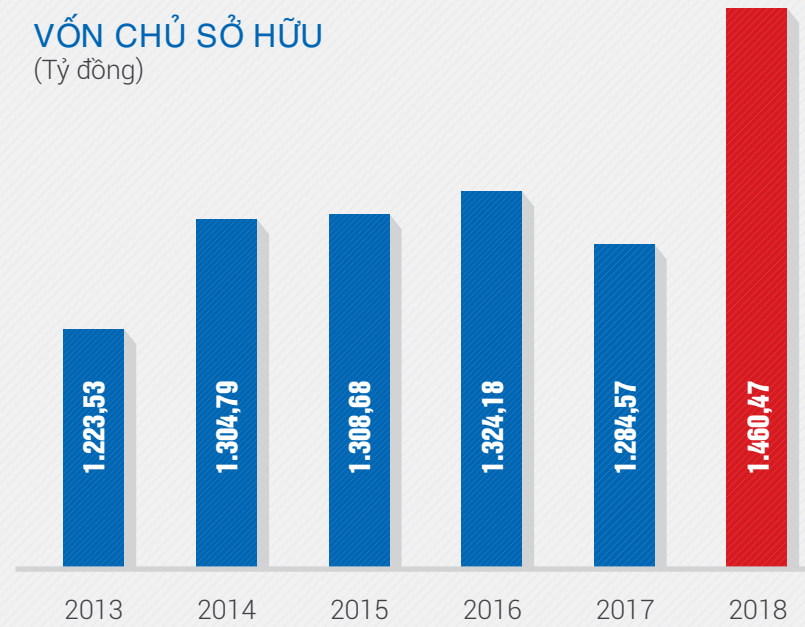


Nguyễn Phương Hào – Chuyên viên Hỗ trợ khách hàng,
Phòng Hỗ trợ Kinh doanh, Chi nhánh Sài Gòn

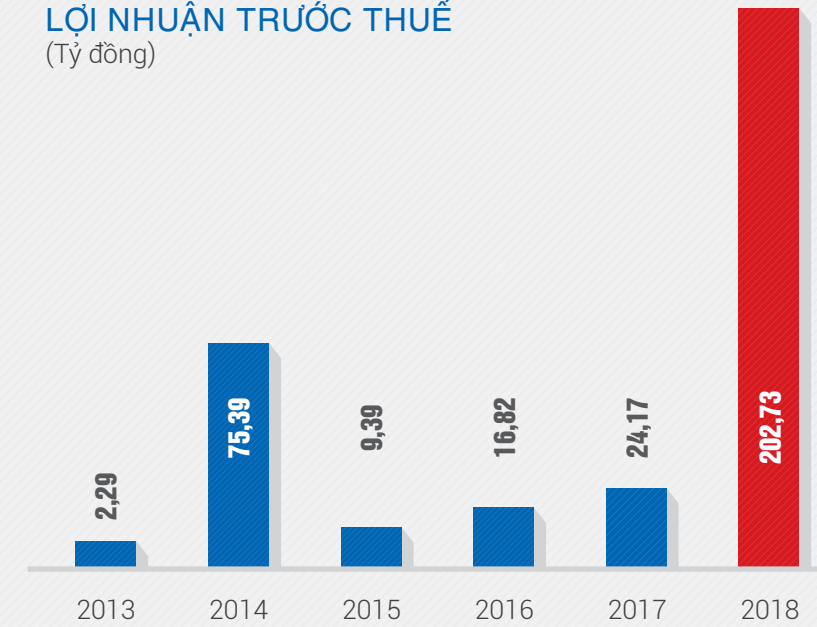


KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2018

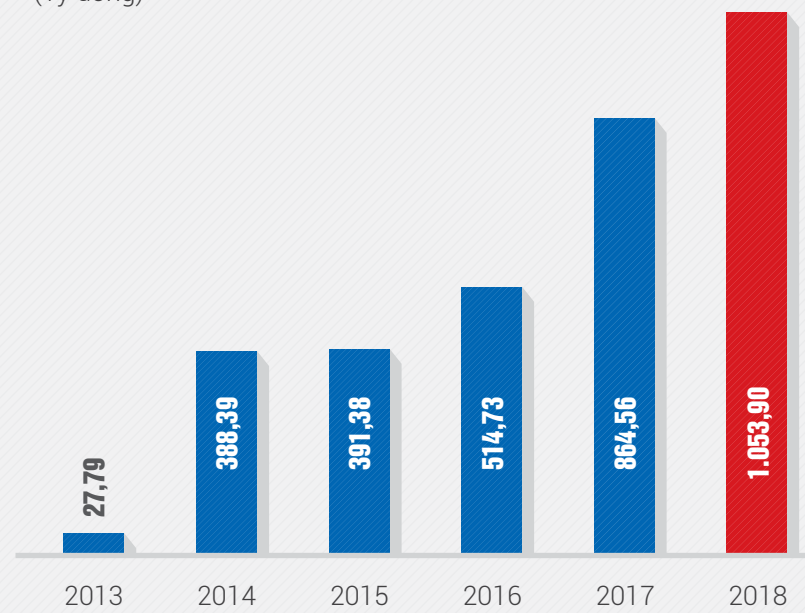
VỐN CHỦ SỞ HỮU
(Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(Tỷ đồng)



DOANH THU
(Tỷ đồng)



KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2018 (TIẾP THEO)



Phạm Xuân Anh - Giám đốc Khối Dịch vụ NHĐT

"Không dừng lại ở việc cung cấp các dịch vụ IB thông thường, khách hàng của MBS còn được chăm sóc bởi một chuỗi các dịch vụ giá trị gia tăng về chứng khoán. Chúng tôi không đặt nặng việc thu được bao nhiêu phí từ khách hàng mà quan trọng là đã làm được gì cho khách hàng.

Mở rộng và phát triển nền tảng khách hàng nước ngoài là trọng tâm phát triển hoạt động IB trong chiến lược 5 năm của MBS. Chúng tôi không dừng lại chỉ phục vụ ở phân khúc thị trường trong nước mà nỗ lực tạo chuỗi liên kết toàn cầu và mong muốn cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho chuỗi đó. Làm sao để khách hàng quốc tế xác định MBS là cầu nối vào thị trường Việt Nam thì đó mới là thành công của IB MBS. Với nguồn nhân lực tốt và luôn đồng lòng vì mục tiêu chung, tôi nghĩ hoạt động IB của MBS sẽ có nhiều cơ hội phát triển."

"Dịch vụ chứng khoán là một trong những hoạt động kinh doanh cốt lõi của MBS. Chúng tôi luôn hướng tới việc cung cấp đa dạng dịch vụ cho khách hàng và tư vấn cho khách hàng phù hợp với từng giai đoạn thị trường với mục tiêu đảm bảo an toàn vốn và tối ưu hóa lợi nhuận.

Với xu hướng công nghệ 4.0, MBS cũng đang tập trung đầu tư để nâng cao các phần mềm giao dịch chứng khoán cho khách hàng, giúp khách hàng có thể thuận tiện đặt lệnh mọi lúc mọi nơi và đặc biệt là có thể giao dịch trên nhiều kênh và phần mềm tiện ích, không chỉ giao dịch qua app hay phần mềm của MBS mà còn có thể giao dịch từ các kênh của MB."



Phạm Anh Tú - Giám đốc Văn phòng KVPN,
Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



GIỚI THIỆU CHUNG



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN MB
MB SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Thành lập : 11/05/2000

Vốn điều lệ : **1.221.242.800.000** đồng

Vốn chủ sở hữu
(tại thời điểm 31/12/2018) : **1.460.470.000.000** đồng

Trụ sở : Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Mã cổ phiếu : MBS - niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội

Website : www.mbs.com.vn

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



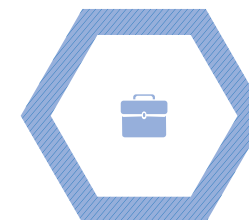
DỊCH VỤ
CHỨNG KHOÁN



NGHIÊN CỨU &
TƯ VẤN ĐẦU TƯ



DỊCH VỤ
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



ĐẦU TƯ



KINH DOANH TRÁI PHIẾU

MẠNG LƯỚI

HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng M-3-7, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
 Điện thoại: +84 24 3726 2600
 Fax: +84 24 3726 2601
 Email: cskh@mbs.com.vn
 Website: www.mbs.com.vn

VĂN PHÒNG KHU VỰC PHÍA NAM

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Sunny, Số 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: +84 28 3920 3388, máy lẻ 100

CHI NHÁNH HOÀN KIẾM

Địa chỉ: Tầng 4-5, 14C Lý Nam Đế, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
 Điện thoại: +84 24 7304 7373, máy lẻ 8858

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 05, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
 Điện thoại: +84 24 7304 7373, máy lẻ 8299

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà MB, Số 6 - Lô 30A, Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
 Điện thoại: +84 22 5382 1886, máy lẻ 101

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

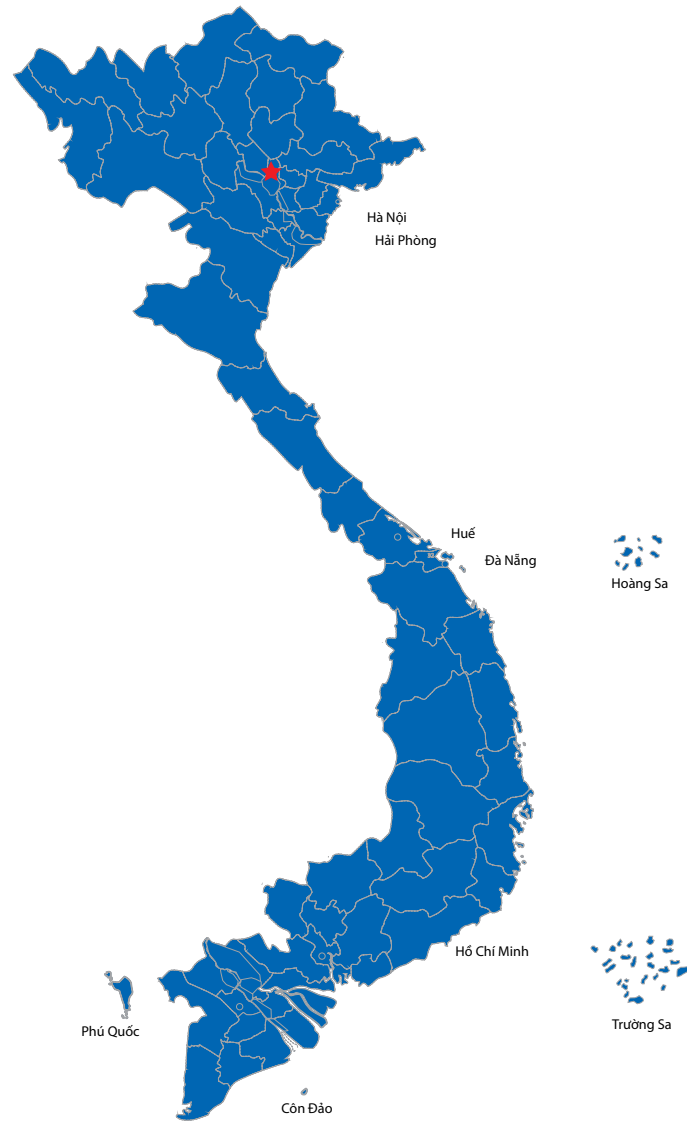
Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Sunny, số 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: +84 28 3920 3388, máy lẻ 176

CHI NHÁNH SÀI GÒN

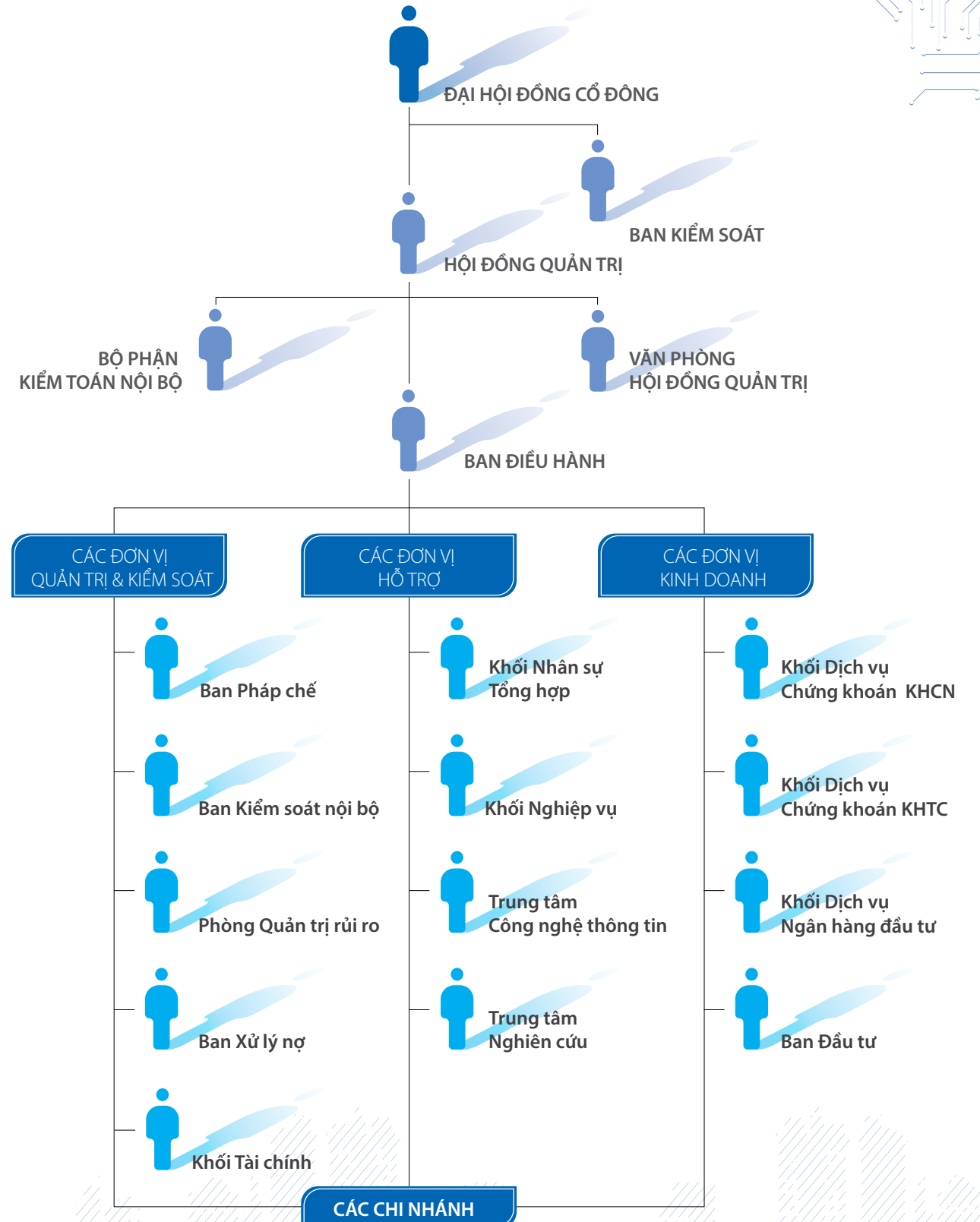
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Havana, 132 Hàm Nghi, Quận 1, TP. HCM
 Điện thoại: +84 28 7304 7575, máy lẻ 8620

CHI NHÁNH BẮC SÀI GÒN

Địa chỉ: Tòa nhà Prince Residence, Số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
 Điện thoại: +84 28 7304 7575, máy lẻ 8747



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Giải thưởng quốc tế uy tín
Best Investment Bank Vietnam 2018
do World Finance bình chọn.



Giải thưởng quốc tế uy tín
Best Investment Management Vietnam 2018
do World Finance bình chọn.



Thành viên tiêu biểu của
HNX và HOSE năm 2018



Bằng khen của Bộ Tài chính 2018



Giấy khen của Hiệp hội Kinh doanh
Chứng khoán Việt Nam



Thành viên tiêu biểu trong hoạt động
thanh toán giao dịch chứng khoán cơ
sở năm 2018.



Thành viên tiêu biểu trong hoạt động
thanh toán giao dịch chứng khoán
phái sinh năm 2018.



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

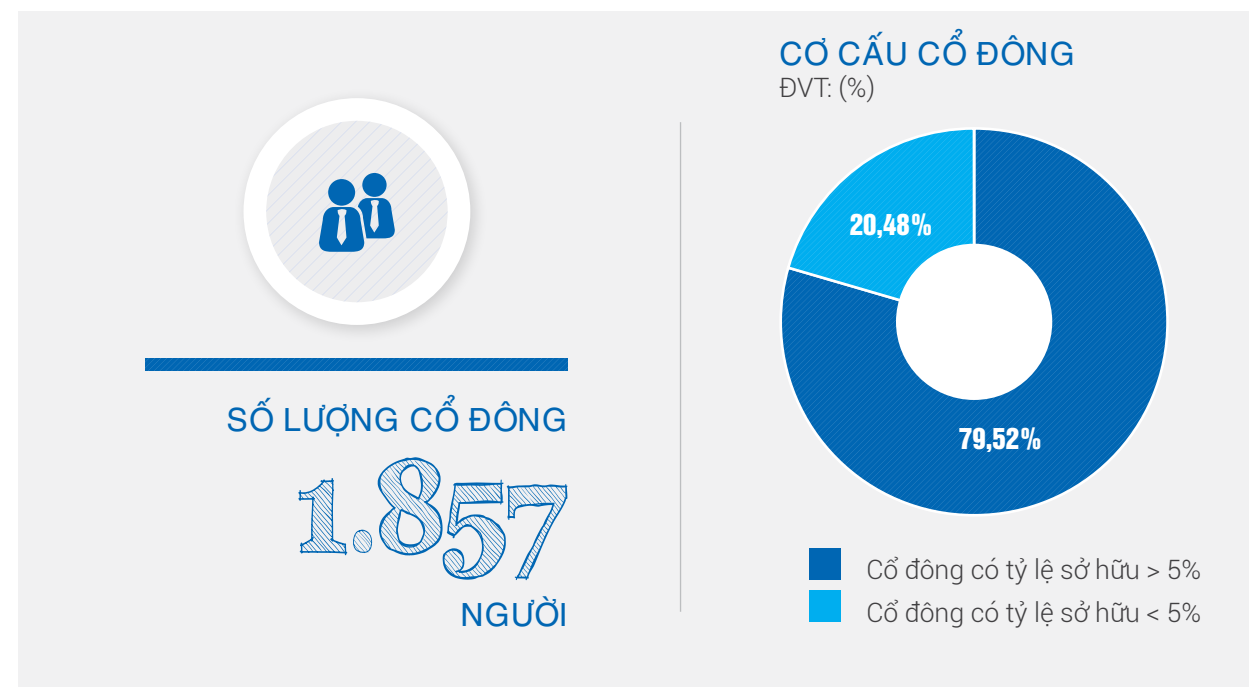
CỔ PHẦN

Nội dung	Số lượng cổ phần
Tổng số lượng cổ phần MBS	122.124.280
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	122.124.280
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO TỶ LỆ SỞ HỮU

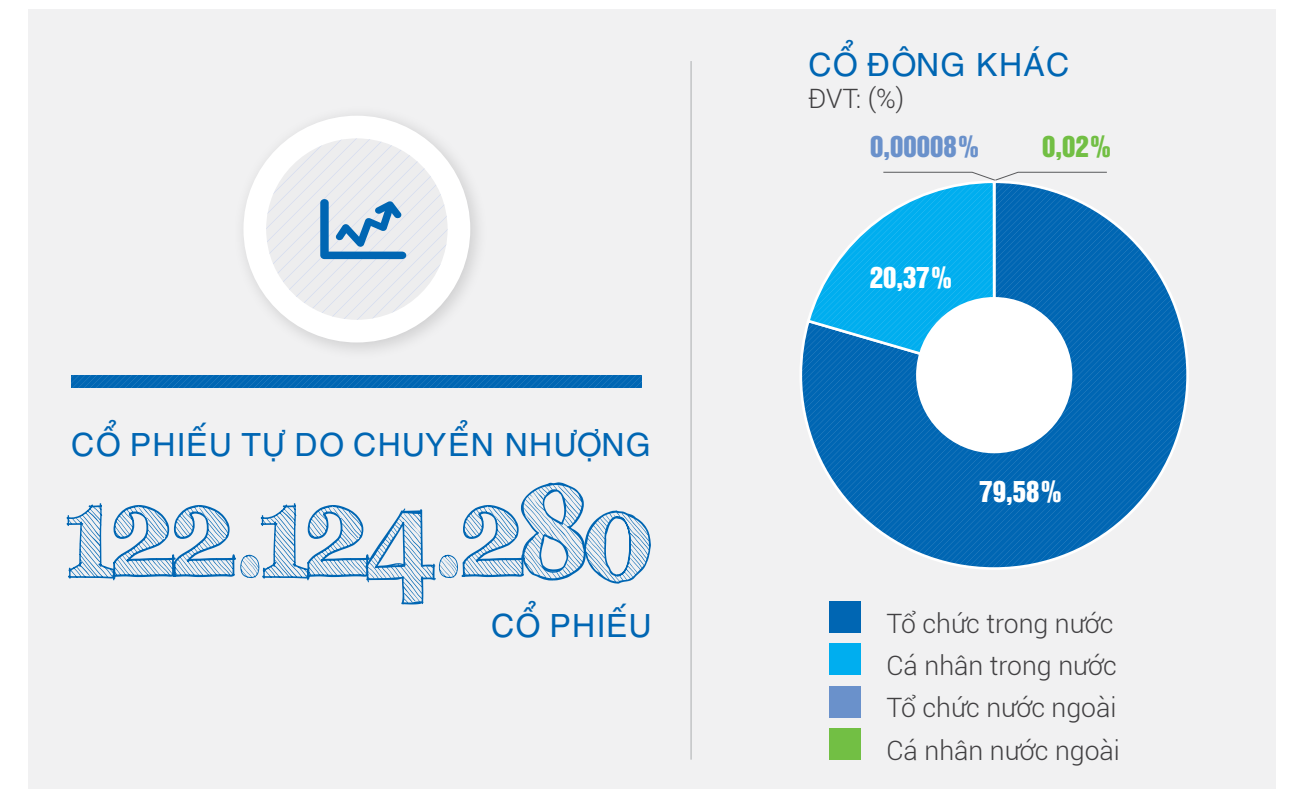
Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu > 5%	01	97.110.937	79,52%
Ngân hàng TMCP Quân đội	01	97.110.937	79,52%
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu < 5%	1.856	25.005.946	20,48%
Tổng cộng	1.857	122.124.280	100%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THEO LOẠI HÌNH

Cổ đông	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ phiếu quỹ	0	7.397	7.397	0,006%
II. Cổ đông khác	0	122.116.883	122.116.883	99,994%
Tổ chức trong nước	0	97.196.700	97.196.700	79,58%
Cá nhân trong nước	0	24.887.622	24.887.622	20,37%
Tổ chức nước ngoài	0	100	100	0,00008%
Cá nhân nước ngoài	0	32.461	32.461	0,02%
Cổ đông nhà nước	0	-	-	0%
Tổng cộng	0	122.124.280	122.124.280	100%

*Số liệu cơ cấu và tỷ lệ sở hữu của cổ đông trình bày tại đây được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 21/02/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018

Nội dung	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 01/01/2018	Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng) trong kỳ	Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2018
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.656	5.731	7.387

*Số lượng cổ phiếu quỹ tại 31/12/2018 thay đổi tăng 731 cổ phiếu so với thời điểm 01/01/2018 do giao dịch lô lẻ trong năm 2018 và tăng 5.000 cổ phiếu do sửa lỗi giao dịch theo công văn chấp thuận của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Ngày	Họ tên	Liên quan	Số lượng cổ phiếu	Hình thức
08/05/2018	Nguyễn Văn Học	Cổ đông nội bộ	15.237	Bán



CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Đợt phát hành	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phát hành trong năm (tỷ đồng)
MBS_Bond1_2018	3 năm	28/03/2018	28/03/2021	194
MBS_Bond2_2018	3 năm	23/04/2018	23/04/2021	110
MBS_Bond3_2018	1 năm	30/05/2018	30/05/2019	150
MBS_Bond4_2018	3 năm	08/10/2018	08/10/2021	240
Tổng cộng				694

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Quốc Minh
Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Quốc Minh hiện là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Ông Minh tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế đầu tư – đại học Kinh tế Quốc dân và bảo vệ Tiến sỹ Tài chính ngân hàng tại Học viện Hậu cần. Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và hơn 10 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội với các trọng trách được giao như Giám đốc Chi nhánh MB Ninh Bình, Giám đốc Khối Khách hàng lớn.



Ông Vũ Thành Trung - Phó Chủ tịch HĐQT hiện là Chánh văn phòng CEO Ngân hàng TMCP Quân đội. Ông Trung tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương Hà Nội và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành tài chính tại trường International University of Japan. Ông Trung có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ các vị trí quan trọng tại MB Group như Giám đốc Đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư MB, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB, Phó Giám đốc Ban đầu tư.



Ông Trần Hải Hà - Thành viên HĐQT hiện là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS. Ông Hà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Tài chính ngân hàng và bảo vệ Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại trường Đại học Toulonvar, Cộng hòa Pháp. Ông Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Phó Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Định chế tài chính, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng.



Bà Trần Thị Kim Thanh - Thành viên HĐQT nguyên là Phó Giám đốc Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Bà Thanh tốt nghiệp Học viện Ngân hàng chuyên ngành Ngân hàng đồng thời bảo vệ Thạc sĩ tại Đại học Ngoại thương. Bà Kim Thanh có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng, Tài chính và từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Cán bộ phòng Kế hoạch và kinh doanh ngoại tệ, Trưởng phòng Vốn, Trưởng phòng Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.



Bà Phạm Thị Minh Tâm - Thành viên HĐQT hiện đang là Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh - Khối Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Minh Tâm tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Kinh tế đầu tư đồng thời bảo vệ Thạc sĩ Quản lý dự án tại Đại học Queensland (UQ), Úc. Bà Minh Tâm có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Trưởng bộ phận/Chuyên viên Khối Đầu tư, Thành viên chuyên trách - VP triển khai chiến lược.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trần Hải Hà
Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Hà hiện là Tổng Giám đốc MBS. Ông Hà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành tài chính ngân hàng và bảo vệ Thạc sĩ tài chính doanh nghiệp và kiểm soát quản trị tại trường Đại học Toulonvar, Cộng hòa Pháp. Ông Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Phó Giám đốc Khối Khách hàng lớn và Định chế tài chính, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng.



Bà Phùng Thị Thanh Hà - Phó Tổng Giám đốc hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác quản trị rủi ro, nghiệp vụ, pháp chế của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hà tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Méditerranée - Aix Marseille II (Pháp) chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp. Bà Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Trưởng Bộ phận tái thẩm định SME, Trưởng Bộ phận tái thẩm định Khách hàng cá nhân, Phó phòng Thẩm định Hội sở và Trưởng Phòng Quản trị rủi ro tại MBS.



Ông Lê Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía Nam của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp. Trước khi về MBS, ông Nam từng có nhiều năm đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp như: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ thương mại Giấy Việt; thành viên HĐQT Công ty CP DIC số 4; thành viên HĐQT Công ty địa ốc Hoàng Quân và thành viên HĐQT Công ty CP Thuốc Thú y Cai Lậy.



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh - Phó Tổng Giám đốc hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính, nguồn vốn, đầu tư của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Oanh tốt nghiệp cử nhân kinh tế - Học viện Ngân hàng, tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị kinh doanh thuộc đại học Beneditine - Chicago, Hoa Kỳ. Bà Oanh đã có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư và M&A, tham gia thành lập Công ty MB Ageas Life, Công ty Tài chính tiêu dùng MCredit - liên doanh MB và Ngân hàng Shinsei Nhật Bản. Bà Oanh từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như: Phó phòng Phân tích & Tư vấn đầu tư, Trưởng phòng Đầu tư tài chính, Trưởng phòng Đầu tư chiến lược tại Ngân hàng Quân đội đồng thời kiêm nhiệm các vị trí quản lý khác như: Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên HĐQT - Công ty CP Quản lý Quỹ MBCapital.



Ông Lê Văn Tuấn - Thành viên Ban điều hành hiện là thành viên Ban Điều hành, phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành công nghệ thông tin, thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine USA. Ông Tuấn có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như: Phó Giám đốc Trung tâm CNTT, Giám đốc Trung tâm Phát triển - Khởi Công nghệ thông tin và Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Kim Chung
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Kim Chung hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Chung tốt nghiệp và bảo vệ Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Học viện Tài chính và có chứng chỉ kế toán viên chuyên nghiệp (CA). Bà Chung có 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại MBS như Kiểm soát, Trưởng sàn giao dịch Hoàng Quốc Việt, Trưởng phòng Nghiệp vụ 16.



Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh - Thành viên Ban Kiểm soát hiện là chuyên viên cao cấp, Phòng quản lý các công ty, Ban Đầu tư, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Quỳnh tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp, đã có 5 năm kinh nghiệm tại Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital) và gần 7 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội.

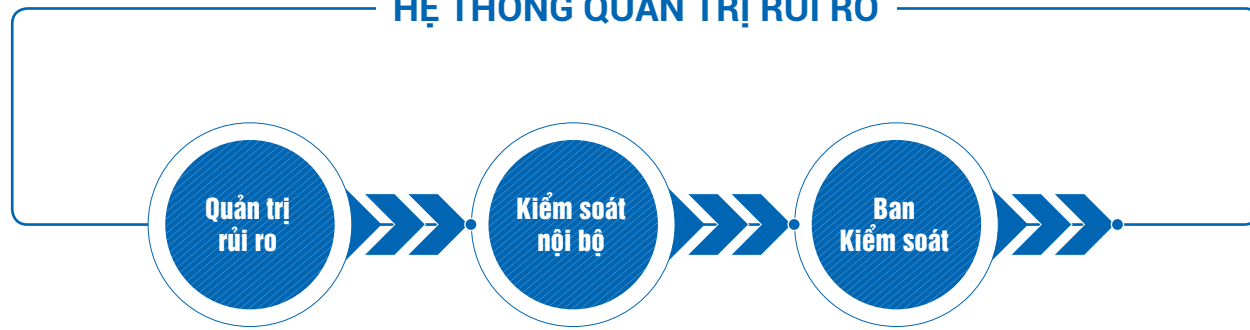


Bà Vũ Thị Hương - Thành viên Ban Kiểm soát hiện là Trưởng bộ phận Kiểm toán tài chính, Cơ quan Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Hương tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, ngành Quản trị tài chính, đã có 4 năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và hơn 5 năm kinh nghiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.



QUẢN TRỊ RỦI RO

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO



Các rủi ro phát sinh trong năm 2018 ảnh hưởng tới MBS, cách thức kiểm soát của MBS đối với mỗi rủi ro đó:

- **Rủi ro thị trường:** Là rủi ro phát sinh từ những biến động bất lợi và ngoài dự kiến của thị trường như lãi suất, thị giá cổ phiếu... dẫn đến sự sụt giảm về giá trị tài sản của Công ty. Cách thức kiểm soát rủi ro thị trường:
 - » Phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban từ khâu theo dõi, cập nhật tình hình thị trường, cổ phiếu đến khâu đánh giá, nhận định, dự báo, xây dựng chiến lược đầu tư cũng như từ hệ thống các tiêu chí cảnh báo đến quy trình tác nghiệp, phối hợp xử lý trong các tình huống đặc thù.
 - » Đẩy mạnh việc giám sát danh mục chứng khoán ký quỹ, cẩn trọng quản lý danh mục tự doanh, xây dựng các kịch bản ứng phó với rủi ro thị trường trong điều kiện thị trường mới.
 - » Xây dựng các mô hình quản trị đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh mới như chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm.
- **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro thanh toán xảy ra khi công ty chứng khoán không thể thu hồi đầy đủ và đúng hạn các khoản vốn đầu tư do đối tác, khách hàng không thực hiện/ thực hiện nhưng không đầy đủ nghĩa vụ như đã cam kết. Cách thức kiểm soát rủi ro thanh toán:
 - » Dành hoàn thiện hệ thống công nghệ quản trị tự động, hạn chế yếu tố của con người can thiệp trong việc kiểm soát tài sản cho khách hàng và thực hiện các cam kết và nghĩa vụ của khách hàng để bảo toàn vốn cho Công ty.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI MBS

- Hệ thống Quản trị rủi ro với ba tuyến phòng thủ bao gồm: Quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, ban kiểm soát. Các tuyến phòng thủ này hoạt động độc lập, khách quan và liên tục nhằm phát hiện kịp thời và ngăn chặn các sự kiện rủi ro phát sinh gây thiệt hại cho Công ty.
- Hệ thống Quản trị rủi ro được cấu trúc với 3 mảng lớn: Quản trị rủi ro thanh toán và thị trường; Quản trị rủi ro hoạt động và pháp lý; Quản trị rủi ro thanh khoản, bao trùm và kiểm soát toàn bộ các loại rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.



- » Danh mục cho vay của MBS được thẩm định định kỳ theo bộ tiêu chí chuẩn mực trên cơ sở nền tảng là thanh khoản của cổ phiếu, giá trị cơ bản của doanh nghiệp đồng thời với sự phân tích đánh giá của các đơn vị chuyên môn.
- » Nâng cao chất lượng các bản phân tích, dự báo xu hướng thị trường, tư vấn hỗ trợ nhà đầu tư để giúp các khách hàng đầu tư hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và giảm thiểu rủi ro tài chính cho khách hàng, đặc biệt trong các giai đoạn thị trường có nhiều biến động khó lường.
- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản phát sinh khi MBS không có khả năng thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn; không đáp ứng được nhu cầu giải ngân mua ký quỹ chứng khoán của nhà đầu tư cũng như không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán bù trừ với Trung tâm Lưu ký Việt Nam hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu thanh toán/ giải ngân do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Cách thức kiểm soát rủi ro thanh khoản:
 - » Lên kế hoạch quản trị nguồn vốn, tính toán dự kiến thu chi, nguồn huy động để lên kế hoạch phân bổ nguồn đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý; đáp ứng đồng thời cả hai tiêu chí đảm bảo nguồn cho các hoạt động của Công ty và hiệu quả về mặt chi phí.
 - » Hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị dòng tiền và các quy trình phối hợp giữa kinh doanh và các bộ phận nghiệp vụ, đảm bảo thông tin được cập nhật kịp thời với mức độ chính xác cao.
 - » Hệ thống báo cáo nguồn được thực hiện với tuần suất hàng ngày. Bên cạnh đó, MBS đã thực hiện báo cáo kế hoạch nguồn dự kiến trong năm/ quý, dự báo kế hoạch dòng tiền định kỳ, xây dựng các kịch bản thanh khoản và đảm bảo hạn mức vay vốn được cấp tại các Tổ chức tín dụng.
- **Rủi ro công nghệ thông tin (CNTT):** Là khả năng xảy ra tổn thất khi thực hiện các hoạt động liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin. Rủi ro công nghệ thông tin liên quan đến quản lý, sử dụng phần cứng, phần mềm, truyền thông, giao diện hệ thống, vận hành và con người. Cách thức kiểm soát rủi ro công nghệ thông tin:
 - » Nâng cao, tăng cường nhận thức về rủi ro CNTT đến toàn hệ thống,
 - » Xây dựng một hệ thống chặt chẽ gồm những kịch bản xử lý Rủi ro hoạt động nói chung và Rủi ro CNTT nói riêng, thường xuyên đánh giá lại khả năng quản lý hiệu quả trên cơ sở các chỉ tiêu đo lường Rủi ro CNTT, tổ chức thiết lập thu thập dữ liệu cơ bản, theo dõi hoạt động và đánh giá về hiệu quả của chương trình so với giai đoạn trước đó.
- **Rủi ro uy tín - thương hiệu:** Là những tổn thất, thiệt hại về giá trị thương hiệu do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về MBS như uy tín, hình ảnh, chất lượng phục vụ, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như mức độ gắn bó của khách hàng đối với MBS. Cách thức kiểm soát rủi ro uy tín - thương hiệu:
 - » Luôn đề cao chữ Tín trong mọi hoạt động kinh doanh.
 - » Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu, quảng bá hình ảnh MBS một cách hiệu quả.
 - » Truyền thông nội bộ liên tục kết nối tới các thành viên MBS nhằm tăng cường nhận thức về giá trị thương hiệu và ý thức về bảo vệ thương hiệu của Công ty.
 - » Tăng cường tính minh bạch trong truyền thông, đồng thời sẵn sàng các kịch bản đối phó đối với những tình huống rủi ro thương hiệu phát sinh đảm bảo xác định rõ ràng nguyên nhân và xử lý kịp thời, không ảnh hưởng đến thương hiệu MBS.

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT



Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch Thành viên không điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 60%	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch Thành viên không điều hành		Chánh Văn phòng CEO - Ngân hàng TMCP Quân đội
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Ủy viên Thành viên không điều hành		Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh - Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
Bà Trần Thị Kim Thanh	Ủy viên Thành viên độc lập		Không
Trần Hải Hà	Ủy viên Thành viên điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 40%	Thành viên HĐQT - Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước

MBS có cơ cấu thành viên HĐQT giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các chương trình về Quản trị công ty và có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty.

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật, điều lệ công ty và trên cơ sở phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên. HĐQT đã phát huy mạnh mẽ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo Công ty một cách toàn diện bao gồm:

- Chương trình ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2017 của Công ty;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2018;
- Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Công ty năm 2015 - 2020, xác định rõ ràng các hướng đi trong hoạt động kinh doanh, tập trung nguồn lực cho hoạt động môi giới và ngân hàng đầu tư, mở rộng thị phần tại khu vực phía Nam;

- Sửa đổi bổ sung các quy chế, chính sách quan trọng của Công ty phù hợp quy định pháp luật hiện hành gồm: Chính sách Quản trị rủi ro; Quy chế Lương và đãi ngộ; Quy chế Dân chủ tại cơ sở; Quy chế Phối hợp hoạt động giữa người sử dụng lao động và tổ chức Công đoàn; Quy chế Tổ chức và hoạt động của các Khối/phòng/ban, các quy trình quy chế khác phục vụ cho hoạt động tổ chức kinh doanh của Công ty.
- Đẩy mạnh truyền thông thương hiệu thông qua việc tổ chức các sự kiện lớn về chuyên môn dành cho khách hàng và các chuyên gia phân tích đầu tư;
- Chú trọng đào tạo chứng chỉ hành nghề cho chuyên viên môi giới, đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho CBNV nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đồng thời tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng cho các cán bộ quản lý, tạo nguồn lực nội bộ kế cận;
- Củng cố và phát triển văn hóa doanh nghiệp, truyền thông nội bộ, quan tâm khám sức khỏe CBNV, xây dựng tình cảm gắn bó đoàn kết của CBNV với Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Hiện tại, cơ cấu thành viên HĐQT MBS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tính "độc lập" của các thành viên tuân thủ theo đúng quy định tại Điều lệ công ty.

- Đánh giá và đề xuất HĐQT trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức Quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu quản trị của MBS từng thời kỳ;
- Báo cáo HĐQT hiệu quả của Bộ phận Quản trị rủi ro và công tác Quản trị rủi ro trên toàn hệ thống và đưa ra phương hướng khắc phục.

ỦY BAN NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG THƯỞNG

- Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng;
- Phối hợp với Khối Nhân sự Tổng hợp theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống;
- Giải quyết các chế độ cho người lao động đảm bảo cạnh tranh và tuân thủ pháp luật.

BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

- Thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của MBS (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro (cao, trung bình hoặc thấp) và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của MBS;
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất các biện pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Hỗ trợ giám sát các công việc sau:

- Xây dựng chiến lược Quản trị rủi ro, cho ý kiến về chính sách rủi ro phù hợp với chiến lược chung của Công ty;
- Giám sát Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, các khuyến nghị của cơ quan thanh tra, quy định của MBS, các Quyết nghị của HĐQT liên quan đến hoạt động Quản trị rủi ro của MBS nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh rủi ro, tối đa hóa lợi nhuận của Công ty;
- Đánh giá sự phù hợp trong công tác Quản trị rủi ro của MBS theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của MBS và định hướng theo thông lệ quốc tế về Quản trị rủi ro để đảm bảo các rủi ro của MBS được quản lý và đánh giá một cách khoa học, thống nhất và hiệu quả. Từ đó, đưa ra các khuyến nghị nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác Quản trị rủi ro;

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng sở hữu CP MBS	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Kim Chung	Trưởng BKS	4.450	0.004%
2	Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên BKS		
3	Vũ Thị Hương	Thành viên BKS		

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức 8 cuộc họp và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, bao gồm các nội dung chính như:

- Giám sát HĐQT, Ban Điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và trong việc quản lý, điều hành Công ty;
- Giám sát kiến nghị việc tuân thủ các quy định của UB CKNN và các quy định của pháp luật về các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư của Công ty;

- Giám sát và đánh giá triển khai thực hiện chiến lược Công ty giai đoạn 2015 - 2020;
- Giám sát kết quả hoạt động kinh doanh, kịp thời kiến nghị HĐQT, BDH đưa ra các chính sách, giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, Thường trực HĐQT và các Ủy ban của HĐQT với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức và thực hiện chương trình thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty.
- Thành lập đoàn kiểm tra độc lập thực hiện kiểm toán các hoạt động trọng yếu của Công ty như: Hoạt động đầu tư tự doanh; hoạt động phòng quản trị rủi ro; kiểm toán công tác quản lý, vận hành các sản phẩm điện tử và thực hiện rà soát, đánh giá về mô hình tổ chức của công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ và nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Tham gia cho ý kiến đối với các văn bản, quy chế trọng yếu của Công ty để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro;
- BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.



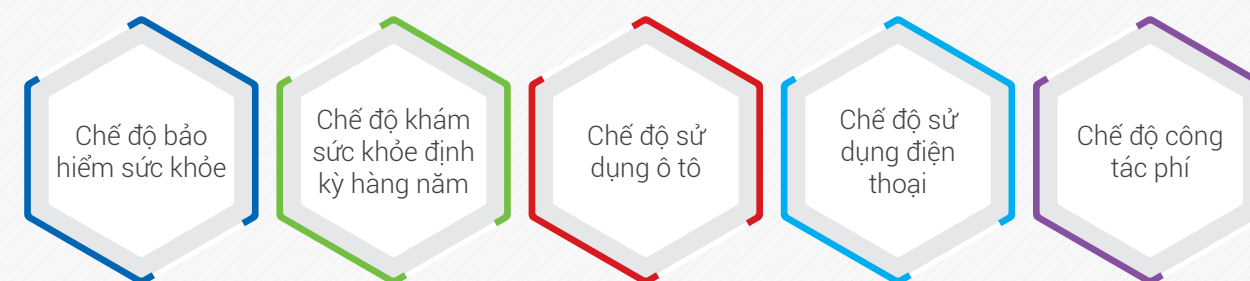
GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Nguyên tắc chi trả lương, thù lao

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Chứng khoán MB số 02/2018/MBS/ĐHĐCĐ-NQ ngày 20/04/2018
- Quy chế lương và đãi ngộ của Công ty.
- Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
Hội đồng quản trị								
1	Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch HĐQT		x		x	x	
2	Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT		x		x	x	
3	Ông Trần Hải Hà	Thành viên thường trực	x			x	x	
4	Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên		x		x	x	
5	Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên độc lập	x			x	x	x
Ban Kiểm soát								
1	Nguyễn Kim Chung	Trưởng Ban KS	x		x		x	x
2	Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên		x		x	x	
3	Vũ Thị Hương	Thành viên		x		x	x	
Ban Điều hành								
1	Trần Hải Hà	TGD	x		x		x	x
2	Phùng Thị Thanh Hà	PTGD	x		x		x	x
3	Lê Thành Nam	PTGD	x		x		x	x
4	Nguyễn Thị Việt Oanh	PTGD	x		x		x	x
5	Lê Văn Tuấn	TV BDH	x		x		x	x

Các khoản lợi ích khác





★
MBS
CHỨNG KHOÁN MB

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2018

Kinh tế xã hội Việt Nam năm 2018 đạt nhiều kết quả tích cực. Nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao. Tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 đến nay.

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NƯỚC

- Kinh tế xã hội Việt Nam năm 2018 đạt nhiều kết quả tích cực. Nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao. Tăng trưởng GDP cả năm đạt 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 đến nay. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Tình hình thực hiện vốn đầu tư có chuyển biến tích cực với nhiều năng lực sản xuất mới được bổ sung. Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế còn đối diện nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng gia tăng, tạo áp lực lớn đến điều hành chính sách tiền tệ, tỷ giá, lãi suất, lạm phát và sản xuất trong nước.
- CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- Giá trị giao dịch bình quân thị trường năm 2018 đạt 6.547 tỷ đồng/phiên. Trong những tháng đầu năm thị trường giao dịch khá sôi động, thị trường có phiên giao dịch đạt giá trị giao dịch trên 10.000 tỷ đồng/phiên và hầu hết được hưởng lợi từ các giao dịch thoái vốn đột biến từ VHM, TCB, MSN... Tuy nhiên, bắt đầu từ Quý 2/2018 xu hướng giảm chung của TTCK thế giới đang tác động khá

mạnh đến diễn biến chỉ số VN-Index khi chỉ số đã giảm khoảng 25% kể từ đỉnh và 8,7% kể từ đầu năm cho đến hết Quý 3/2018. Những tháng Quý 4/2018, giá trị giao dịch toàn thị trường giảm đáng kể, có rất nhiều phiên thị trường chỉ giao dịch ở mức trên 3.000 tỷ đồng/phiên.

- Một số chỉ tiêu đáng chú ý của TTCK trong năm 2018 như sau:
 - ▶ Diễn biến về chỉ số cuối năm 2018: VN-Index đạt 892,54 điểm, tương ứng giảm 91,7 điểm (9,3%) so với cuối năm 2017. Tương tự HNX-Index cũng giảm 12,63 điểm (10,8%), xuống 104,23 điểm.
 - ▶ Về mức vốn hóa thị trường: Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đạt gần 3.961 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7% so với cuối năm 2017, tương đương 72% GDP.
 - ▶ Về giá trị giao dịch: Thanh khoản thị trường với quy mô giao dịch bình quân một phiên đạt 6.589 tỷ đồng, tăng 29,3% so với năm 2017.

Thị trường chứng khoán phái sinh duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và đều đặn. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 78.791 hợp đồng/phiên, tăng gấp 7 lần so với năm 2017. Tính đến ngày 31/12/2018, đã có 57.677 tài khoản giao dịch phái sinh được mở, tăng gấp 3,4 lần so với cuối năm 2017, tuy nhiên, hoạt động giao dịch tập trung chủ yếu ở các nhà đầu tư cá nhân trong nước, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ chiếm 0,18% khối lượng giao dịch toàn thị trường.

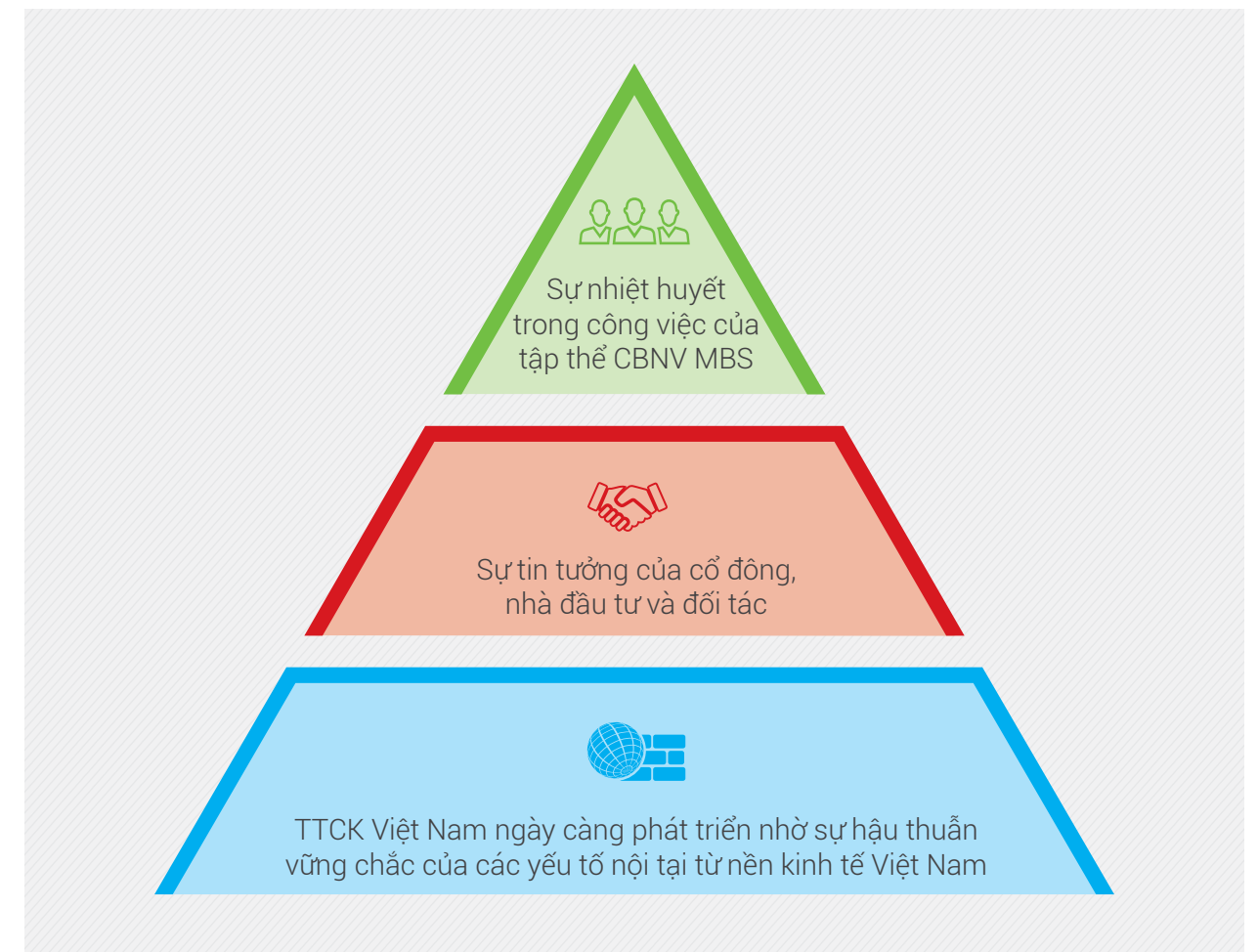
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2018

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, HĐQT, BDH cùng toàn thể CBNV MBS đã nỗ lực và đạt được nhiều kết quả khả quan, cụ thể:

Doanh thu tăng trưởng ấn tượng, hoàn thành vượt mục tiêu lợi nhuận do ĐHCĐ giao.

Kết quả kinh doanh tích cực năm 2018 của MBS được tổng hòa từ nhiều yếu tố, nhưng có thể kể đến ba yếu tố then chốt sau:



Ba yếu tố trên tạo thành nền tảng vững chắc giúp MBS tăng trưởng ngày càng bền vững, kinh doanh an toàn, hiệu quả và luôn bám sát các mục tiêu chiến lược dài hạn. Tổng doanh thu toàn Công ty đạt 1.054 tỷ đồng, tăng xấp xỉ 24,5% so với năm 2017 và vượt gần 20% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao. Lợi nhuận trước thuế đạt 202,7 tỷ đồng, gấp hơn 8 lần năm 2017, vượt 27% so với kế hoạch được giao.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2018 (TIẾP THEO)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2017	TH 2018	TH2018/TH2017	TH2018/KH2018
I Kết quả kinh doanh							
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	881,0	846,6	1.053,9	124,5%	119,6%
2	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	721,0	822,4	851,2	103,5%	118,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	160,0	24,2	202,7	837,6%	126,7%
II Các KPI trọng yếu khác							
1	Thị phần cơ sở	Vị thế	Top 5	Top 5	Top 5	100%	100%
2	Thị phần phái sinh	Vị thế	Top 5	Top 4	Top 3	>100%	>100%
3	Doanh thu dịch vụ IB	Vị thế	Top 5	Top 5	Top 5	100%	>100%

Giữ vững vị trí Top 5 Thị phần môi giới chứng khoán cơ sở và nằm trong Top 3 Thị phần môi giới chứng khoán phái sinh.

Với định hướng là hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty, mảng Dịch vụ chứng khoán đã liên tục được cải cách trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, bổ sung nhân sự quản lý và kinh doanh giỏi, cải tiến thủ tục hành chính, thường xuyên nâng cấp phần mềm giao dịch, triển khai thêm các dịch vụ thu chi điện tử với các ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, thay đổi cách thức phục vụ tại sàn giao dịch, tạo ra hình ảnh chuyên nghiệp hơn của MBS đối với các nhà đầu tư và khách hàng giúp cho thị phần môi giới không ngừng gia tăng. Năm 2018, thị phần môi giới cơ sở bình quân 2 sàn HSX và HNX của MBS đạt 5,84%, duy trì 5 năm liên tục nằm trong Top 5 CTCK có thị phần lớn nhất. Đặc biệt, với vị thế là một trong những công ty chứng khoán tiên phong tham gia thị trường phái sinh, thị phần môi giới hợp đồng tương lai của MBS năm 2018 đạt 16,57%, thuộc Top 3 CTCK có thị phần phái sinh lớn nhất.

Hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư có nhiều khởi sắc, nằm trong Top 5 các công ty chứng khoán có doanh thu cao nhất thị trường.

Năm 2018 ghi nhận sự phát triển vượt bậc trong hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư tại MBS. Thông qua việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Khối Dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB), đẩy mạnh hoạt động bán chéo với Ngân hàng Quân đội, tăng cường hợp tác chặt chẽ với SCIC và mở rộng mối quan hệ với các đầu mua mới, các Quỹ trong và ngoài nước, các Ngân hàng... MBS là một trong năm công ty chứng khoán có doanh thu IB cung cấp đủ dịch vụ cao nhất thị trường.

Tư vấn hiệu quả, quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch. Các hội thảo phân tích tài chính cho nhà đầu tư chuyên nghiệp gây được tiếng vang lớn trên thị trường.

Đội ngũ chuyên gia tư vấn của MBS luôn bám sát thị trường, dự báo đúng xu hướng, khuyến nghị các cơ hội đầu tư sinh lời nhưng vẫn đảm bảo an toàn và giảm thiểu rủi ro thất thoát tài sản cho nhà đầu tư. MBS thường xuyên tổ chức các Hội thảo tư vấn về kinh tế và thị trường chứng khoán như MBS's Talk, Mini Talk và đặc biệt là hội thảo các chuyên gia phân tích tài chính VIPF hàng năm đã gây ấn tượng mạnh trên thị trường, nhận được sự phản hồi tích cực từ cơ quan quản lý, các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế... MBS cũng phối hợp với UBCK, HSX, HNX, VSD... để thực hiện các chương trình đào tạo cho khách hàng, thường xuyên cung cấp các bài viết và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm quảng bá và phát triển thương hiệu MBS.

MBS chủ động Quản trị rủi ro an toàn hiệu quả, không phát sinh nợ xấu trong 5 năm liên tiếp.

Trong năm 2018, mặc dù nhiều lúc thị trường sụt giảm mạnh bởi các sự kiện kinh tế tài chính phức tạp và khó dự đoán, nhưng việc tuân thủ mô hình Quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng thủ và khẩu vị rủi ro chặt chẽ đã giúp MBS duy trì tỷ lệ nợ xấu bằng 0 trong khi hoạt động dịch vụ tài chính vẫn tăng trưởng mạnh.



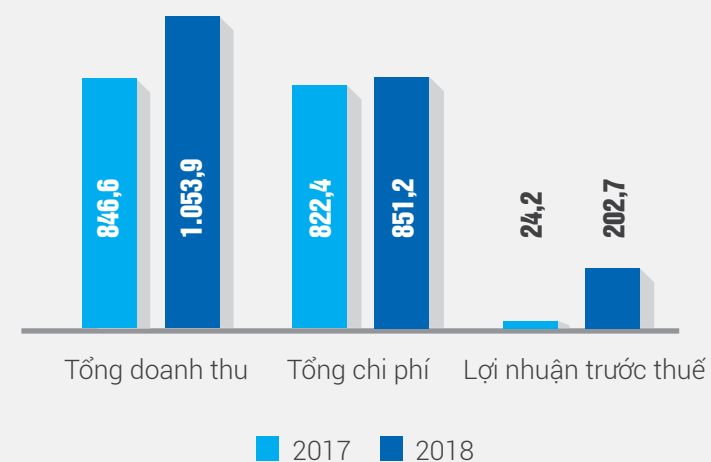
TỔNG DOANH THU 2018

1.053,9

TỶ ĐỒNG

KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: (Tỷ đồng)



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2018 (TIẾP THEO)

Ưu tiên phát triển nguồn lực, hoàn thiện cơ chế lương và đãi ngộ theo năng suất nhằm nuôi dưỡng động lực cho nhân viên và thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường.

Là một trong 05 công ty dẫn đầu trên thị trường, MBS tin rằng đội ngũ chính là nguồn tài sản quý giá nhất. Nhận thức rõ tính cạnh tranh của doanh nghiệp xuất phát từ nguồn nhân lực, Công ty luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để có thể tạo nên một môi trường làm việc khuyến khích nhân viên thể hiện và phát triển đầy đủ năng lực của mình và gia tăng sự hài lòng của nhân viên đối với công việc. Trong suốt chiều dài phát triển, MBS vẫn luôn xây dựng và bồi đắp hơn nữa tinh thần đoàn kết, tính hợp tác, sức sáng tạo và sẵn sàng chinh phục mọi khó khăn thử thách.

Bằng việc đa dạng hóa các kênh tuyển dụng và các chương trình tuyển dụng cho nhiều đối tượng khác nhau, “Chất” và “Lượng” nhân sự tại MBS đã và đang tiếp tục được nâng cao. Số lượng nhân sự đến cuối năm 2018 là 643 người, tăng 25% so với năm 2017.

Đáng chú ý, trong năm 2018, MBS đã thực hiện rà soát và ban hành mới quy chế lương và đãi ngộ cho toàn Công ty, đảm bảo cạnh tranh với các CTCK khác nhằm giữ chân và thu hút người tài làm việc tại MBS.

Nâng cao uy tín và Thương hiệu trong nước và từng bước hội nhập quốc tế.

MBS đã được các cơ quan chức năng, khách hàng nhìn nhận, đánh giá và tin tưởng vào những nỗ lực cũng như sự chuyển mình đầy tích cực. Hình ảnh của MBS thường xuyên xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, các Bản tin tài chính VTV, các bài viết của MBS có mặt rất nhiều trên các báo đầu tư và thị trường chứng khoán. MBS không ngừng tìm kiếm các cơ hội trao đổi, hợp tác với các tổ chức tài chính lớn trên thế giới và trong khu vực châu Á để chuẩn bị cho chiến lược phát triển kinh doanh trong dài hạn.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban Điều hành đã hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban Điều hành và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Ban Điều hành quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ hàng tháng, quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông. Ban Điều hành đã chú

trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, dần dần tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại Công ty.

Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Theo đánh giá của HĐQT, tất cả các thành viên Ban Điều hành đã hoàn thành tốt chức trách của mình. Ban Điều hành và các cán bộ quản lý chủ chốt đã thực hiện hiệu quả và hợp lý các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.





Lợi nhuận trước thuế

202,73

TỶ ĐỒNG



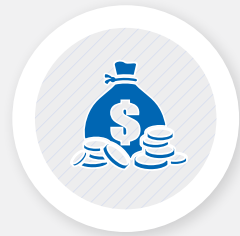
Năm 2018, MBS đã hoàn thành xuất sắc nhiều mục tiêu kinh doanh. Tuy nhiên, con người MBS không tự mãn với kết quả đạt được mà luôn giữ tinh thần khởi nghiệp để có thể đạt được nhiều mục tiêu xa hơn trong tương lai.

Ông **TRẦN HẢI HÀ**

Thành viên Hội đồng quản trị,
Tổng Giám đốc

Năm 2018 cũng là năm tiền đề cho giai đoạn phát triển mới. Trong những năm tiếp theo, MBS sẽ kiên định với con đường đã chọn, tập trung nguồn lực về nhân sự và công nghệ để triển khai các hoạt động cốt lõi một cách có hiệu quả, đảm bảo vị thế Top 5 Công ty chứng khoán lớn nhất và Top 5 Công ty chứng khoán có doanh thu IB lớn nhất thị trường Việt Nam. Từ năm 2020 trở đi, MBS sẽ hướng tới mục tiêu Top 3 thị phần môi giới và giữ vững vị trí Top 5 về doanh thu IB trên thị trường.

Tôi tin rằng, với phương châm hoạt động "HIỆU QUẢ - AN TOÀN - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG" cùng sự đoàn kết và quyết tâm, những con người của MBS sẽ tạo nên một sức mạnh to lớn, vượt qua mọi thách thức của thị trường để đạt được những mục tiêu mong muốn.



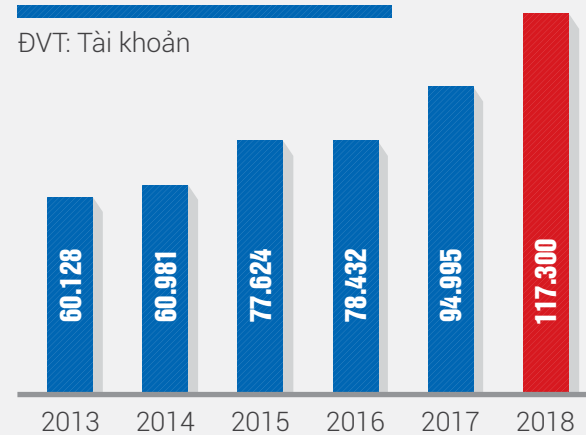
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2018

202,7

TỶ ĐỒNG

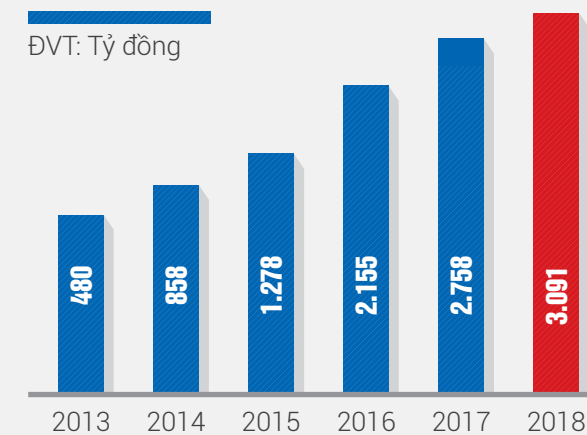
TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

ĐVT: Tài khoản



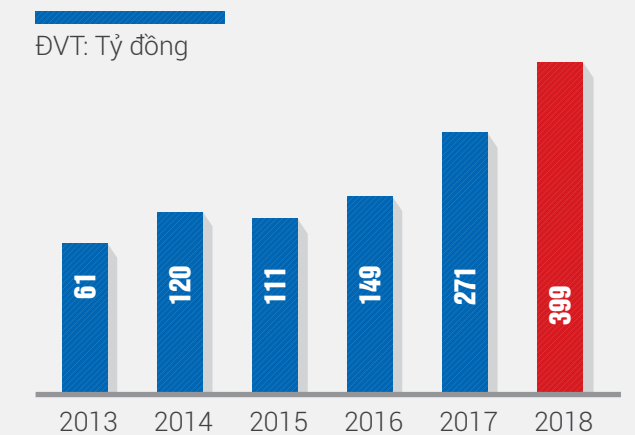
DƯ NỢ DVTC

ĐVT: Tỷ đồng



PHÍ MÔI GIỚI

ĐVT: Tỷ đồng



HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Năm 2018, hoạt động môi giới tiếp tục thể hiện là mũi nhọn trong hoạt động kinh doanh của MBS, cụ thể:

- Năm 2018, thị phần môi giới bình quân 2 sàn HSX và HNX của MBS đạt 5,84%, duy trì 05 năm liên tục đạt Top 5 thị phần. Đặc biệt, thị phần môi giới hợp đồng tương lai của MBS năm 2018 đạt 16,57%, thuộc Top 3 thị phần phái sinh. Thị phần của MBS được cải thiện đáng kể do MBS đã luôn bám sát định hướng chiến lược nhằm đảm bảo mục tiêu kinh doanh hiệu quả, tập trung vào quản lý hoạt động cho vay Margin thận trọng và an toàn. Đồng thời, năm 2018 là một năm có nhiều giao dịch đặc biệt với giá trị lớn và giao dịch tập trung tại công ty chứng khoán có quy mô lớn, nếu loại trừ các giao dịch này thì thị phần của MBS đạt trên 7%.
- Với phương châm kinh doanh "Luôn đặt khách hàng là trọng tâm, cam kết gắn bó lâu dài và hợp tác cùng phát triển" hoạt động môi giới trong năm 2018 của MBS diễn ra hết sức sôi động, chất lượng tư vấn khách hàng ngày càng tăng, thể hiện MBS đang chăm sóc và tư vấn hơn 100.000 tài khoản khách hàng, giá trị tài sản

tròn của khách hàng do MBS quản lý năm 2018 tăng 43% so với năm trước. Từ đánh giá hiện trạng hoạt động môi giới và nghiên cứu triển khai áp dụng các nguyên tắc quản trị mới, MBS gặt hái được thành công trong việc sắp xếp đội ngũ, xây dựng văn hóa, tinh thần đoàn kết, cùng với việc không ngừng cải thiện chất lượng công việc. Hoạt động tuyển dụng, đào tạo cho đội ngũ môi giới, bổ sung các tiện ích giao dịch trực tuyến, thiết bị di động là những yếu tố trọng yếu giúp MBS thu hút thêm khách hàng mới, giữ vững vị thế môi giới trên thị trường.

- Từ các yếu tố kinh tế hỗ trợ thị trường chứng khoán trong năm 2018, cùng nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn với định giá hợp lý khiến dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào thị trường Việt Nam gia tăng, hoạt động môi giới khách hàng nước ngoài và tổ chức tại MBS có nhiều chuyển biến tích cực, mở rộng được tệp khách hàng mới. Trước những cơ hội mới về độ mở của thị trường chứng khoán, MBS chú trọng hoàn thiện cơ cấu bộ máy, tuyển dụng đội ngũ nhân sự cấp cao với mục đích nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường đóng góp vào kết quả chung của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Trong năm 2018, MBS ký mới được 87 hợp đồng cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư. Trong đó có các hợp đồng tư vấn thoái vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp như Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam, Tổng Công ty Viglacera... MBS là đại lý phát hành; đại lý lưu ký trái phiếu và thực hiện các hoạt động tư vấn phát hành cổ phiếu; IPO và tư vấn niêm yết; mua bán sáp nhập; tái cấu trúc; định giá cổ phiếu làm tài sản đảm bảo; thu xếp vốn; tư vấn tìm kiếm đối tác chiến lược và tư vấn phát hành trái phiếu cho rất nhiều các doanh nghiệp lớn như Công ty TNHH Tuần Châu Marina, Tổng Công ty Than & Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Nam Cường, CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NOVA... Doanh thu hoạt động tư vấn IB đạt 88,7 tỷ đồng, MBS thực hiện tư vấn phát hành thành công trên 12.500 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp trong năm 2018. Dịch

vụ Ngân hàng đầu tư của MBS liên tục đứng trong Top 3 các công ty chứng khoán cung cấp đủ dịch vụ có doanh thu IB cao nhất. Ngoài ra, hoạt động IB cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ giới thiệu cơ hội đầu tư cho các bộ phận kinh doanh khác tại MBS. Kết quả thu được từ hoạt động IB năm 2018 xuất phát từ các yếu tố bao gồm:

- Hoạt động bán chéo dịch vụ giữa MBS và Ngân hàng TMCP Quân đội được triển khai tích cực giữa các bên, MBS có ưu thế tuyệt đối khi tiếp cận với gần như toàn bộ các giao dịch IB từ ngân hàng mẹ. Giá trị tư vấn bán chéo với Ngân hàng MB năm 2018 là 9.551 tỷ đồng, tiệm cận mức kế hoạch 10.000 tỷ đồng được giao.
- MBS đã thực hiện nhiều giao dịch tư vấn phát hành trái phiếu quy mô lớn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc thu xếp vốn đầu tư dự án hoặc thực hiện cơ cấu tài chính trong năm 2018.

Sau gần 20 năm có mặt trên thị trường, MBS ngày càng được nhiều doanh nghiệp, tổ chức biết đến với các dịch vụ tư vấn IB chuyên nghiệp, kết nối giá trị giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư. Bằng sự nhạy bén, sáng tạo, MBS không ngừng ngoài xu hướng phát triển các sản phẩm IB ngày càng đa dạng, cấu trúc phức tạp trên thị trường.

- MBS có một nền tảng vững chắc gồm một đội ngũ nhân sự là các chuyên gia cao cấp, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư.
- MBS cũng không ngừng chủ động mở rộng các quan hệ trong nước và quốc tế nhằm khẳng định và nâng cao thương hiệu. Trong năm 2018, MBS đã vinh dự nhận được 2 giải thưởng quốc tế: (1) Giải thưởng Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IB) tốt nhất; (2) Giải thưởng Công ty Quản lý đầu tư tốt nhất 2018 do Tạp chí World Finance trao tặng.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÁI PHIẾU

Hoạt động kinh doanh trái phiếu đáng khích lệ với doanh số phân phối trên 2.600 tỷ đồng. Cùng với đội ngũ tư vấn am hiểu tâm lý khách hàng, MBS tham gia vào hệ thống phân phối bán lẻ trái phiếu trên thị trường với các sản phẩm được thiết kế linh hoạt, cung cấp cho nhà đầu tư các lựa chọn đa dạng về danh mục, lợi suất và kỳ hạn trái phiếu. MBS không ngừng nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư, khảo sát thị trường, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ quản trị và vận hành đảm bảo hoạt động kinh doanh trái phiếu có thể rút ngắn vòng quay sử dụng vốn, quản trị rủi ro và tận dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả. Việc hoàn thiện chính sách và mô hình kinh doanh trong năm 2018 giúp tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động kinh doanh trái phiếu trong năm tới.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

MBS đã nỗ lực tận dụng thị trường chứng khoán tăng mạnh vào đầu năm, thận trọng trong giao dịch cuối năm, đa dạng hóa danh mục đầu tư, kết quả lợi nhuận từ hoạt động tự doanh năm 2018 đạt 121 tỷ đồng, giá trị đầu tư tăng trưởng so với đầu kỳ. Đây là một điểm đáng khích lệ đối với MBS khi 2018 là

một năm đầy biến động, trong khi hầu hết các quỹ nội đều có kết quả âm do ảnh hưởng của thị trường. Ngoài ra, MBS cũng đã sẵn sàng triển khai sản phẩm Chứng quyền có bảo đảm (CW) nhằm mục tiêu năm bắt tốt nhất cơ hội đầu tư trên thị trường.

"Trong năm 2018, tỷ suất danh mục đầu tư MBS đạt tỷ suất lợi nhuận 10.7%, so với VNINDEX giảm 9.32%. Có được kết quả trên nhờ MBS đã đa dạng hoá sản phẩm đầu tư, chú trọng vào việc bảo toàn và tối ưu hoá nguồn vốn của công ty. Trong thời gian tới, MBS tiếp tục đa dạng hoá danh mục đầu tư, và luôn đặt trọng quản trị rủi ro lên ưu tiên hàng đầu."



Trần Trọng Tài - Giám đốc Đầu tư

CÁC NỀN TẢNG HỖ TRỢ KINH DOANH

Hoạt động Công nghệ thông tin

Hệ thống CNTT của MBS hoạt động ổn định, không phát sinh lỗi trọng yếu ảnh hưởng đến giao dịch của khách hàng. An ninh hạ tầng công nghệ được đảm bảo trong giai đoạn an ninh mạng diễn biến phức tạp và nhiều thách thức trên thế giới. MBS cũng xây dựng và nâng cấp tiện ích các sản phẩm hiện có, bao gồm xây dựng thành công giai đoạn 1 hệ thống

lỗi giao dịch trái phiếu và một số dự án như Data 24 đẩy dữ liệu biểu đồ Realtime cho môi giới, Robot Adviser, xây dựng các bộ tín hiệu chỉ số riêng phục vụ cho tư vấn riêng biệt của hoạt động môi giới. Bên cạnh đó, MBS liên tục nghiên cứu, đánh giá, rà soát hệ thống CNTT nhằm hướng tới giai đoạn kinh doanh tiếp theo.



Hoạt động nghiên cứu

Hoạt động nghiên cứu của MBS tập trung nâng cao chất lượng tư vấn, dự báo xu hướng và khuyến nghị danh mục đầu tư cho khách hàng thông qua các chương trình MBS's Talk, Mini Talk và phương tiện truyền thông, MBS cũng luôn nằm trong Top các công ty chứng khoán dự báo đúng xu thế thị trường. Đặc biệt, diễn đàn đầu tư VIPF 2018 do MBS đồng tổ chức diễn ra thành công, là nơi quy tụ các chuyên gia kinh tế, chuyên gia phân tích đầu tư chuyên nghiệp. Qua đó, MBS thu hút được sự quan tâm của

nhều tổ chức, nhà đầu tư và truyền thông, đồng thời được các cơ quan chức năng và nhà hoạch định chính sách đánh giá cao về tầm nhìn cũng như nhận định về thị trường chứng khoán. Để đạt được những kết quả nêu trên, Trung tâm nghiên cứu của MBS đã tuyển dụng và liên tục bồi dưỡng, đào tạo cán bộ là các chuyên gia được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, có nhiều kinh nghiệm về phân tích và tư vấn, có đạo đức nghề nghiệp. Hoạt động nghiên cứu cũng là cầu nối để MBS được nhiều nhà đầu tư biết đến qua các buổi đào tạo có chất lượng và chuyên nghiệp về thị trường chứng khoán cho nhà đầu tư.



Nguyễn Xuân Quang - Trưởng phòng Môi giới HN01, Chi nhánh Hà Nội

"Vài năm trở lại đây, hoạt động của bộ phận Chiến lược thị trường rất hiệu quả. Nhận định thị trường đưa ra khá sát với thực tế, giúp nhà đầu tư giữ tiền và có cơ hội kiếm tiền khá tốt qua các mã cổ phiếu tư vấn. Có thể nói, hoạt động nghiên cứu, tư vấn của MBS được khách hàng đánh giá cao và đã trở thành một yếu tố cạnh tranh, thu hút khách hàng so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường."

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Hoạt động Quản trị rủi ro

Trong năm 2018, MBS tiếp tục không để phát sinh nợ xấu về dịch vụ tài chính trước biến động của thị trường. Theo đó, MBS đã tiến hành rà soát và điều chỉnh danh mục tổng thể và định kỳ, xây dựng và ban hành một số chính sách mới hỗ trợ phát triển kinh doanh như định hướng phân

loại và tiêu chí quản trị Danh mục cho vay, ban hành kịch bản xử lý rủi ro theo từng đơn vị kinh doanh và thị trường, xây dựng tiêu chí giám sát theo từng mảng hoạt động. Bên cạnh việc hoàn thiện đội ngũ và quy trình sản phẩm quản trị rủi ro, MBS luôn tiến hành tổ chức đào tạo cho các đơn vị kinh doanh nhằm nâng cao nhận thức và giảm thiểu rủi ro cho MBS.



Top 5

CÁC CÔNG TY CHỨNG
KHOÁN CÓ DOANH THU IB
CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG



Hoạt động Nghiệp vụ

Hoạt động nghiệp vụ tại MBS luôn đáp ứng nhu cầu của đơn vị kinh doanh. Các thủ tục được cải thiện theo hướng nhanh, gọn, thuận tiện và phù hợp.

Kết luận

Kết quả kinh doanh năm 2018 MBS đã đạt được một số điểm tích cực như sau:

- Kết quả kinh doanh tăng trưởng cao, các chỉ tiêu tài chính: Doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch. Chi phí hoạt động được quản lý chặt chẽ, các hoạt động kinh doanh cốt lõi đều thực hiện đúng chiến lược và chuẩn bị sẵn sàng cho chiến lược kinh doanh giai đoạn tiếp theo.

- Củng cố thương hiệu MBS: Tiếp tục khẳng định vị thế khi liên tục 5 năm liền đứng Top 5 thị phần môi giới chứng khoán cơ sở, Top 3 doanh thu IB (cung cấp đủ dịch vụ) và Top 3 thị phần môi giới phái sinh.
- Các chỉ tiêu an toàn tài chính liên tục đáp ứng theo quy định pháp luật.
- Tình hình thanh khoản được đảm bảo tốt; Quản trị rủi ro an toàn, không để phát sinh nợ xấu.
- Tổ chức và con người đoàn kết gắn bó; thực hiện tốt công tác Đảng, công tác chính trị.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

“ Các chỉ tiêu trọng yếu khác như thị phần môi giới trên thị trường cơ sở và doanh thu hoạt động tư vấn tài chính vẫn giữ vững vị trí Top 5 so với các công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất, thị phần trên thị trường phái sinh đạt Top 3, vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong bối cảnh thị trường trong nước và thế giới có nhiều biến động lớn, năm 2018 MBS đã nỗ lực hoàn thành vượt kế hoạch tất cả các chỉ tiêu chính ĐHĐCĐ giao.

- Các chỉ tiêu chính như doanh thu, lợi nhuận đều tăng mạnh so với cùng kỳ và kế hoạch. Lần đầu tiên MBS đã chạm ngưỡng doanh thu trên 1.000 tỷ đồng.

- Các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi là Môi giới và Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IB) đều đạt được những kết quả tốt, quản trị rủi ro hiệu quả, thương hiệu công ty ngày càng có uy tín trên thị trường.

Các chỉ tiêu trọng yếu khác như thị phần môi giới trên thị trường cơ sở và doanh thu hoạt động tư vấn tài chính vẫn giữ vững vị trí Top 5 so với các công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất, thị phần trên thị trường phái sinh đạt Top 3, vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao.



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Thông qua kết quả giám sát, BKS đánh giá HĐQT/BDH đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ cụ thể:

- HĐQT chỉ đạo BDH thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ tuân thủ theo đúng các hạn mức/ giới hạn về kinh doanh như: Tỷ lệ đầu tư, hạn mức cho vay; tỷ lệ kiểm soát chi phí.
- HĐQT/BDH bám sát hoạt động của Công ty, có các Quyết định điều hành hoạt động kinh doanh kịp thời, hoàn thành vượt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2018.
- Thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống, MBS đã bổ sung thêm một số sản phẩm tiện ích mới cho khách hàng như Mobile Trading, Home Trading, sản phẩm phái sinh phục vụ nhu cầu ngày càng đa dạng của nhà đầu tư.

- Thực hiện sửa đổi và ban hành mới hầu hết các quy chế, quy định trọng yếu của Công ty như: Sửa đổi điều lệ; Quy chế quản trị công ty; Quy chế đầu tư; quy chế lương và đãi ngộ; các cơ chế, chính sách thưởng đối với các đơn vị kinh doanh, tạo động lực hoàn thành vượt kế hoạch.
- Đã tuyển dụng được các nhân sự cấp cao Khối dịch vụ tài chính khách hàng tổ chức nhằm gia tăng thị phần khách hàng nước ngoài và tổ chức, đạt mục tiêu chiến lược. Trong năm, cũng tuyển dụng thêm nhiều nhân sự kinh doanh mới để gia tăng thị phần.

Đối với hoạt động quản trị điều hành, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT. Hoạt động công nghệ thông tin tiếp tục nâng cấp để bổ sung thêm nhiều tính năng, tiện ích gia tăng giá trị cho khách hàng.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2019

- Kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cao so với các nước trong khu vực và thị trường mới nổi (EM). Tăng trưởng GDP của Việt Nam dự kiến sẽ giữ ổn định trong năm 2019 ở mức trên 6,7%.
- Tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp dự báo vẫn tích cực.
- Xu hướng dòng vốn vào Việt Nam vẫn tăng trưởng dương.
- Triển vọng gia nhập thị trường mới nổi MSCI rất khả quan.

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2019

Các yếu tố vĩ mô quốc tế tác động đến Thị trường chứng khoán

- Xu hướng tác động chính yếu của kinh tế toàn cầu lên TTCK là xu hướng dịch chuyển dòng vốn. Mỹ sẽ tiếp tục quá trình bình thường hóa lãi suất đến hết năm 2019. EU chấm dứt gói nới lỏng định lượng vào cuối 2018 và bắt đầu nâng lãi suất vào giữa năm 2019. Hai động thái trên khiến xu hướng dòng tiền rẽ đổ vào các thị trường tài sản toàn cầu sẽ không còn. Áp lực tăng lãi suất sẽ tăng cao trên toàn cầu.
- Đồng USD và Euro tăng giá khiến sức ép lên các quốc gia mới nổi trong đó có Việt Nam tăng lên. Các NHTU của các quốc gia này sẽ phải tăng lãi suất để bảo vệ đồng nội tệ.
- Do đó, các TTCK toàn cầu sẽ trải qua một giai đoạn định giá lại và mức PE sẽ giảm (hiện tại quá trình này đã xảy ra một phần và sẽ tiếp tục diễn ra trong 2019). Do đó, TTCK toàn cầu trong đó có Việt Nam sẽ khó có sự cải thiện về mặt định giá trong năm 2019.

Các yếu tố vĩ mô trong nước tác động đến Thị trường chứng khoán

- Yếu tố vĩ mô trong nước đáng quan ngại tác động đến TTCK là yếu tố lạm phát. Sau 2 năm lạm phát được kìm giữ ở mức dưới 4%, lạm phát tiếp tục được dự báo ở mức dưới 4%. Tuy nhiên, với ngưỡng lạm phát này, lãi suất sẽ chịu sức ép gia tăng, do đó dòng tiền đổ vào TTCK khó có khả năng dồi dào như 2018.
- Bên cạnh đó, áp lực lạm phát làm tỷ giá bất ổn cũng khiến các nhà đầu tư nước ngoài e ngại hơn khiến mức mua ròng dự kiến sẽ giảm.

Căn cứ mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2015 - 2020 và dự báo về điều kiện thị trường và khát vọng của MBS, Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2019 như sau:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

"Hiệu quả, an toàn, phát triển bền vững, con người tốt, công nghệ tốt"

Hướng đến hoàn thành các mục tiêu chiến lược, với các định hướng hoạt động như sau:

- Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi đồng thời nỗ lực tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, triển khai hiệu quả hoạt động kinh doanh bán chéo trong Tập đoàn;
- Đầu tư nâng cao năng lực công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu kinh doanh, gia tăng tiện ích và hiệu quả đầu tư cho khách hàng;
- Tập trung vào việc phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng để đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường, tạo ra một môi trường làm việc ổn định, gắn bó và sáng tạo, mỗi cá nhân được khám phá và phát huy mọi năng lực của bản thân góp phần đóng góp bằng cách tốt nhất cho Công ty;
- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành kinh doanh, chi phí được kiểm soát chặt chẽ cũng như việc quản trị rủi ro được chú trọng để nâng cao hiệu quả tài chính.

MỤC TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019
I Kết quả kinh doanh				
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.053,9	1.171,1
2	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	851,2	811
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	202,7	360
II Các KPI trọng yếu khác				
		Kế hoạch 2019		
1	Thị phần trung bình 02 sàn HSX và HNX	Top 5		
2	Thị phần phái sinh	Top 5		
3	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Top 5		



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 (TIẾP THEO)

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2019

Hoạt động Môi giới

- Triển khai các sản phẩm khác biệt; đi đầu trong việc thiết kế sản phẩm, bao gồm sản phẩm dịch vụ tài chính, sản phẩm phái sinh, sản phẩm tư vấn;
- Đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, theo đó tiếp tục cải thiện trong sản phẩm, bám sát thị trường và đưa ra các giải pháp kinh doanh chuyên biệt đối với khách hàng, đồng thời là cầu nối giúp các nhà đầu tư nắm bắt các cơ hội thị trường, truyền tải đến các nhà đầu tư những thông tin hữu ích giúp nhà đầu tư có góc nhìn đa chiều trong hoạt động đầu tư của mình;
- Tập trung mạnh mẽ và đẩy mạnh phát triển đối với mảng khách hàng tổ chức;
- Cạnh tranh trong giao dịch phái sinh bằng hệ thống giao dịch và chất lượng tư vấn.

Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

- Tăng cường hoạt động tư vấn phát hành chứng khoán thông qua việc khai thác khách hàng từ Tập đoàn MB;
- Gắn chặt hoạt động IB với hoạt động Đầu tư, Phân phối trái phiếu, Môi giới và Trung tâm Nghiên cứu để tối đa hóa lợi ích cho Công ty;
- Đẩy mạnh hoạt động M&A và hợp tác quốc tế tăng cường khai thác các dịch vụ đối với các khách hàng nước ngoài;
- Tập trung vào sản phẩm có hàm lượng tư vấn cao tại nhóm khách hàng ưu tiên.



Giải pháp về vận hành

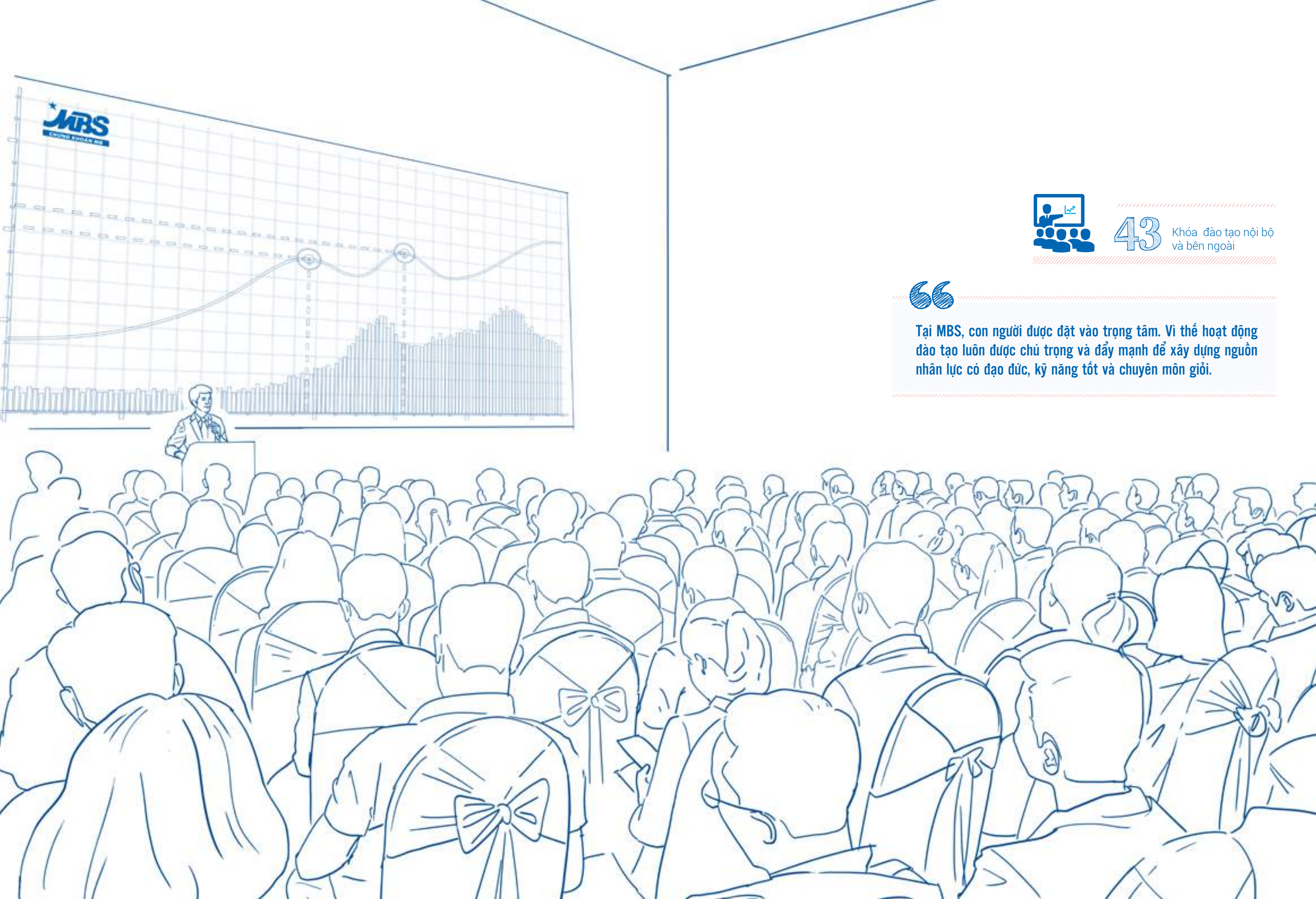
- Đẩy mạnh hoạt động Marketing số;
- Đảm bảo ổn định hệ thống, không để phát sinh lỗi giao dịch;
- Đầu tư con người và hạ tầng công nghệ thông tin nhằm ổn định giao dịch và phát triển sản phẩm mới;
- Hoàn thiện hệ thống core mới để chuẩn bị cho giai đoạn kinh doanh mới.

Giải pháp về Quản lý hệ thống

- Tuân thủ đúng các nguyên tắc quản trị rủi ro, không để phát sinh nợ xấu;
- Phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ các đơn vị kinh doanh trong việc phát triển dư nợ;
- Tận dụng công nghệ thông tin để tối đa hóa hoạt động Quản trị rủi ro.

Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tuyển dụng nhân sự đáp ứng được nhu cầu kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức các khóa đào tạo cho CBNV nhằm nâng cao nghiệp vụ cũng như đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan quản lý;
- Xây dựng các chương trình truyền thông đảm bảo gắn kết được các thành viên trong công ty và phù hợp với văn hóa của MB nói chung và MBS nói riêng;
- Nâng cao năng suất lao động, bảo đảm các chỉ tiêu hiệu suất lao động;
- Thực hiện tốt công tác Đảng, công tác chính trị, tư tưởng CBNV, xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng, thanh niên theo định hướng, hướng dẫn của MB.



43

Khóa đào tạo nội bộ
và bên ngoài

“

Tại MBS, con người được đặt vào trọng tâm. Vì thế hoạt động đào tạo luôn được chú trọng và đẩy mạnh để xây dựng nguồn nhân lực có đạo đức, kỹ năng tốt và chuyên môn giỏi.

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững 2018 cung cấp một bức tranh tổng quan về những hoạt động quan trọng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB và các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty, liên quan đến các vấn đề trọng yếu mà các bên liên quan quan tâm về chiến lược phát triển bền vững của MBS. Chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

2 NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

- Gắn kết các bên liên quan
- Bối cảnh phát triển bền vững
- Tính trọng yếu
- Tính đầy đủ

3 NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO

- Tính chính xác
- Tính cân đối
- Tính rõ ràng
- Khả năng có thể so sánh
- Tính đáng tin cậy
- Tính kịp thời

PHẠM VI VÀ RANH GIỚI CỦA BÁO CÁO

Báo cáo được lập tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư kinh doanh tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS).

Giai đoạn báo cáo: từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2018.

Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018. Báo cáo được công bố trực tuyến tại địa chỉ website www.mbs.com.vn.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

Phòng Truyền thông MBS

Email: truyenthong@mbs.com.vn

Điện thoại: +84 24 3726 2600

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.



CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2018

STT	Hạng mục	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
1	Tăng trưởng kinh tế bền vững	Doanh thu thuần	1.053,9 tỷ đồng	
		Lợi nhuận sau thuế	177,35 tỷ đồng	
		Nộp ngân sách Nhà nước	44.453,96 tỷ đồng	1. Thuế giá trị gia tăng: 5.750,14 tỷ đồng 2. Thuế thu nhập doanh nghiệp: 35.338,35 tỷ đồng 3. Các loại thuế khác: 3,365 tỷ đồng
		Quan hệ nhà đầu tư	hàng trăm lượt gặp gỡ	
2	Phát triển nguồn nhân lực	Hoàn thành số giờ đào tạo	27.762 giờ	
		Số lượng nhân sự được đào tạo tập trung	498 nhân sự	
		Số lượng khóa đào tạo đã triển khai	43 khóa đào tạo	Bao gồm: 6 khóa đào tạo nội bộ 37 khóa đào tạo bên ngoài, trong đó: + 7 khóa đào tạo cấp cao + 13 khóa đào tạo cấp trung + 17 khóa đào tạo chuyên môn và kỹ năng cho CBNV
3	Chung tay vì cộng đồng	Đóng góp cho cộng đồng	260 triệu đồng	
		Tạo việc làm	hơn 643 lao động	
		Liên kết với các trường ĐH uy tín	9 trường ĐH lớn,	1. ĐH Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) 2. Học viện Tài chính (Hà Nội) 3. Học viện Ngân hàng (Hà Nội) 4. ĐH Kinh tế (TP.HCM) 5. ĐH Ngân hàng (TP.HCM) 6. ĐH Kinh tế Luật (TP.HCM) 7. ĐH Tôn Đức Thắng (TP.HCM) 8. ĐH Công nghệ (TP.HCM) 9. ĐH Hàng Hải (Hải Phòng)
		Tuyển dụng	226 nhân sự	

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG



Với phương châm "Giải pháp kinh doanh chuyên biệt", MBS luôn cam kết cung cấp những giải pháp phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Trong những năm qua, MBS đã không ngừng mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt tận dụng bán chéo sản phẩm dịch vụ và tận dụng tệp khách hàng của Ngân hàng mẹ MB. Khách hàng của MBS không chỉ được cung cấp sản phẩm dịch vụ của MBS mà còn được cung cấp thêm nhiều giá trị gia tăng từ sản phẩm dịch vụ thuộc Tập đoàn MB. Những giá trị mà MBS mang lại cho khách hàng đã khẳng định vị thế của một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường, tạo niềm tin vững chắc cho khách hàng khi lựa chọn sản phẩm dịch vụ của MBS.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



MBS luôn đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động. Với các chính sách nhân sự, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt, MBS đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu nhiệt huyết gắn bó với nghề. Chính sự sáng tạo, mẫn cán, quyết liệt và đoàn kết, đội ngũ nhân sự MBS đã đồng hành cùng Công ty vượt qua giai đoạn tái cấu trúc khó khăn để có được thành quả bước đầu trong giai đoạn phát triển mới. Tại MBS, chính sách đào tạo và tự đào tạo luôn được chú trọng. Các chương trình đào tạo về quản trị, kiến thức chuyên môn và kỹ năng được tổ chức thường xuyên, giúp đội ngũ nhân sự phát huy tài năng và sự cống hiến. Qua đó, giá trị Công ty cũng ngày càng được nâng cao.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ



MBS luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính, Ủy ban CKNN và của các Sở giao dịch chứng khoán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư, đồng thời chủ động công bố thông tin quan trọng có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định của nhà đầu tư.

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC



Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, MBS luôn tuân thủ nguyên tắc hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng. Là một trong những công ty chứng khoán thành lập đầu tiên của TTCK Việt Nam, MBS luôn phấn đấu nằm trong Top các công ty chứng khoán hàng đầu. Với uy tín và kinh nghiệm của mình, MBS đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với nhiều đối tác. Họ đã, đang và sẽ luôn sẵn sàng đồng hành cùng MBS trên con đường chinh phục những thử thách mới.

MỖI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



Một doanh nghiệp phát triển bền vững không thể tách rời các lợi ích chung của xã hội. Chính vì thế MBS đã xác định một trong những giá trị cốt lõi của mình là “xã hội và phát triển cộng đồng”. Quỹ từ thiện “Trái tim MBS” được thành lập là cầu nối để tấm lòng của CBNV MBS đến được với những đồng bào khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Các hoạt động xã hội từ thiện của MBS được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hướng đến xây dựng thương hiệu nhân văn, thân thiện với cộng đồng.

ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN



MBS tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chuẩn hiện hành của pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước đầy đủ. MBS đã xây dựng và tăng cường mối quan hệ tốt với các Bộ, Ban, Ngành nhưng không lợi dụng mối quan hệ này để đạt lợi ích bất chính.

ĐỐI VỚI BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG







MBS xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với báo chí trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp. Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp cơ quan báo chí, truyền thông có được những thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài ra, MBS cũng chú trọng xây dựng các cơ chế xử lý khủng hoảng truyền thông, bình tĩnh đính chính các thông tin sai lệch cũng như đưa ra những phát ngôn khéo léo và chuẩn mực trước cơ quan báo đài.




CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

MBS đã xây dựng cơ chế hiệu quả nhằm tăng cường quá trình trao đổi thông tin. Các kênh tương tác được thiết lập và củng cố đảm bảo tính chủ động, đầy đủ, sâu sát, kịp thời trong việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan, làm cơ sở cho việc cải tiến, phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng bền vững.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ 	<ul style="list-style-type: none"> - ĐHĐCĐ thường niên. - Website MBS. - Gặp gỡ trực tiếp. - Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả kinh doanh tốt. - Thông tin minh bạch, rõ ràng, kịp thời và chính xác. - Cổ tức. - Năng lực quản trị Công ty tăng. - Giá trị Công ty tăng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành vượt kế hoạch năm 2018 được ĐHĐCĐ thông qua. - Đầu tư có chiều sâu vào hoạt động truyền thông. - Thực hiện chi trả cổ tức. - Hoàn thiện hệ thống Quản trị công ty. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu năm 2017 đạt 1.053,9 tỷ đồng, bằng 119,6% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 177,35 tỷ đồng, bằng 138% so với kế hoạch;
KHÁCH HÀNG 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ nhân viên dịch vụ ngân hàng đầu tư, môi giới, tư vấn. - Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch, tại trụ sở của đối tác... - Hội nghị tri ân khách hàng. - Tổng đài Contact24. - Website, email, facebook. - Hội thảo chuyên ngành. - Chương trình khảo sát khách hàng/ thị trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng dịch vụ tốt, giá/phí cạnh tranh. - Địa điểm giao dịch thuận tiện. - Giao dịch thuận tiện, an toàn, bảo mật. - Nhân viên thân thiện, nhiệt tình, tận tâm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao trình độ đội ngũ broker và nghiệp vụ quầy giao dịch. - Nâng cao chất lượng các hội thảo chuyên môn, các báo cáo phân tích, khuyến nghị đầu tư. - Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. - Đầu tư hạ tầng cơ sở và thường xuyên nâng cấp phần mềm giao dịch. - Tổ chức tri ân khách hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội ngũ broker được đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm (6 khóa) - Ra mắt D24 - trang giao dịch trực tuyến chứng khoán phái sinh. - Thiết kế các gói dịch vụ đa dạng, linh hoạt, phù hợp với khẩu vị đầu tư của từng khách hàng. - Thực hiện 01 cuộc khảo sát khách hàng với kết quả tốt.
CƠ QUAN QUẢN LÝ 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc trực tiếp. - Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Cơ quan quản lý tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành. - Tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. - Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các văn bản về chính sách, quy chế... của cơ quan quản lý. - Tích cực tham gia hoạt động của 2 sở giao dịch chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luôn tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Năm 2018 nộp NSNN 44.453,96 tỷ đồng. - Là thành viên tiêu biểu của 2 sở giao dịch chứng khoán HNX và HSX năm 2018. - Là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018. - Là thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh năm 2018. - Được Bộ Tài chính khen thưởng năm 2018.
CÁC HIỆP HỘI 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Hiệp hội tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Là thành viên tích cực của Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tích cực vào hoạt động của Hiệp hội. - Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với các Hiệp hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. - Tham gia đầy đủ các hội thảo, hội nghị do Hiệp hội tổ chức và/hoặc chỉ đạo tham dự. - Được Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán Việt Nam khen thưởng.

CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TT)

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
BÁO CHÍ 	<ul style="list-style-type: none"> Các hội thảo do các cơ quan báo chí tổ chức. Tổ chức gặp mặt và giao lưu gắn kết. Duy trì trao đổi thông tin qua email. 	<ul style="list-style-type: none"> Có cơ chế tiếp cận thông tin về hoạt động của Công ty nhanh chóng. Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ động cập nhật thông tin cho cơ quan báo chí. Cung cấp thông tin chuyên ngành cho cơ quan báo chí. 	<ul style="list-style-type: none"> Tham gia trả lời phỏng vấn trên báo giấy, báo online và xuất hiện trên truyền hình VTV. Năm 2018, MBS xuất hiện tại 491 tin bài trên mạng internet, 73 tin bài trên báo giấy và 43 tin trên truyền hình. Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt với cơ quan truyền thông, báo chí.
NGƯỜI LAO ĐỘNG 	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Phòng Nhân sự, Công đoàn. Thông qua quản lý trực tiếp. Thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. Thông qua lễ sơ kết, tổng kết thường niên. Thông qua hoạt động nghỉ mát, kỷ niệm sinh nhật Công ty. Thông qua các sự kiện nội bộ: 8/3, 1/6, Trung thu, 20/10. Thông qua các chương trình Về nguồn, các chương trình xã hội từ thiện. 	<ul style="list-style-type: none"> Công việc ổn định. Môi trường làm việc thân thiện. Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng. Chính sách phúc lợi đầy đủ và được đảm bảo. Có chính sách đào tạo và cơ hội phát triển, thăng tiến. Được quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. Được ghi nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> Tạo việc làm ổn định, mở rộng cơ hội việc làm thông qua mở rộng sản phẩm dịch vụ kinh doanh và tuyển dụng nhân sự mới. Chi trả thu nhập ổn định cho người lao động. Định kỳ rà soát chính sách lương thưởng phù hợp với thị trường. Ban hành và thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe... Tăng ngân sách dành cho hoạt động đào tạo. Xây dựng các chương trình thi đua kinh doanh, thi đua chuyên môn nghiệp vụ. Tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ) phát huy vai trò xây dựng môi trường văn hóa thân thiện. 	<ul style="list-style-type: none"> Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 vượt trội, tạo sự ổn định về môi trường làm việc và thu hút nhân sự mới. Năm 2018, số lượng CBNV mới được tuyển dụng là 226 người, nâng tổng số CBNV lên 643 người. Thực hiện trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh đúng hạn, thu nhập bình quân của người lao động đạt 12.646.227 đồng/người. Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN với tổng chi trả là 6.936,77 tỷ đồng, bằng 129,6% so với năm 2017. Mua Bảo hiểm sức khỏe MIC cho CBNV với tổng giá trị năm 2018 là 1.350,5 tỷ đồng, bằng 114% so với năm 2017. Trong năm 2018, 50 đơn vị và 193 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng. Phát động 5 chương trình thi đua kinh doanh trong đó có 41 đơn vị và 71 cá nhân được trao thưởng.
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp xúc trực tiếp với người dân và chính quyền địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> Góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Tạo việc làm cho sinh viên và thu hút các tài năng trẻ. Tuân thủ quy định của chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ. 		<ul style="list-style-type: none"> Phối hợp tổ chức và tổ chức 7 chương trình từ thiện. Hợp tác với 9 trường đại học lớn trên cả nước, thực hiện đào tạo chuyên môn và tìm kiếm nhân sự tiềm năng. Năm 2018, tổng ngân sách chi cho hoạt động truyền thông là 260 triệu đồng.

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Năm 2018 là năm quan trọng đối với MBS. Khi quá trình tái cấu trúc kết thúc, mặc dù vẫn có những thách thức nhưng nhiều cơ hội mới đã mở ra. MBS đã nỗ lực phát huy mọi nguồn lực, triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đặt ra, bước những bước đầu tiên vững chắc vào giai đoạn phát triển mới.

Tổng doanh thu năm 2018 đạt 1.053,9 tỷ đồng, tương đương 119,6% kế hoạch năm và tương đương 124,5% so với thực hiện năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 177,35 tỷ đồng, tương đương 138% kế hoạch năm và tương đương 740% so với thực hiện 2017.

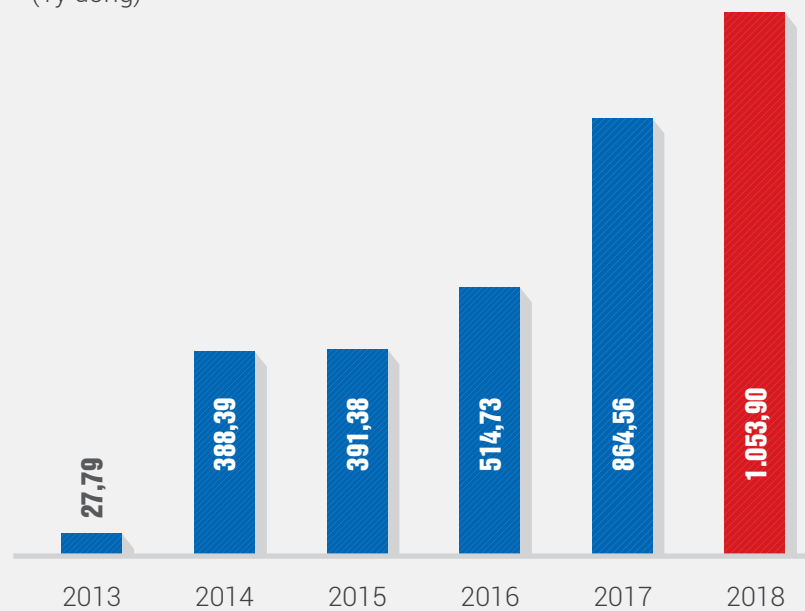
Tổng tài sản năm 2018 của Công ty đạt 3.774,82 tỷ đồng, bằng 88,3% so với năm 2017. Tổng tài sản năm 2018 giảm so với năm 2017 bởi nguyên nhân

MBS tiếp tục thực hiện trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp, trong nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ tái cấu trúc Công ty.

Chỉ tiêu tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao qua các năm, gấp gần 1,5 lần so với tỷ lệ quy định (260%) của Ủy ban CKNN. Năm 2018, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của MBS đạt 367,56 tăng 113,4% so với cùng kỳ năm trước. Đây là con số tăng trưởng ổn định thể hiện sự lành mạnh tài chính và kiểm soát rủi ro tốt bao gồm rủi ro về đầu tư, thanh toán và các rủi ro hoạt động khác của Công ty.

Hoàn thành các mục tiêu trọng yếu, kết thúc quá trình tái cấu trúc thành công, MBS tập trung củng cố hoạt động, nâng cao công tác quản trị, tập trung phát triển chất lượng nhân sự và hướng tới cung cấp các dịch vụ sản phẩm 4.0 cho khách hàng.

DOANH THU
(Tỷ đồng)



CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

NĂNG LƯỢNG, NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI



Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, các hoạt động của MBS không gây tác động trực tiếp đến môi trường nhưng MBS luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động nội bộ bằng nhiều hình thức: tổ chức các cuộc thi Sáng kiến cải tiến trong đó có nội dung về tiết kiệm điện, nước, tái sử dụng giấy văn phòng. MBS tuân thủ quy định về phân loại rác thải và xử lý nước thải của Ban quản lý tòa nhà.

Trong năm 2018, MBS luôn tuân thủ quy định về môi trường, thường xuyên đặt cây xanh trong văn phòng để tạo môi trường xanh, đồng thời áp dụng quy định 5S trên toàn hệ thống để văn phòng lúc nào cũng gọn gàng, sạch đẹp.



CHỈ TIÊU XÃ HỘI

VIỆC LÀM - NGUỒN NHÂN LỰC TẠI MBS



Tổng nhân sự tại MBS thời điểm 31/12/2018 là 643 người, tăng 125,3% so với năm 2017. Lực lượng lao động tại MBS đa phần là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với ngành tài chính chứng khoán. Cơ cấu lao động theo giới tính cân bằng, theo thâm niên hợp lý với đặc thù ngành nghề.

Tổng số cán bộ được giao nhiệm vụ/bổ nhiệm tại MBS năm 2018 là 40 người, nâng tổng số cán bộ quản lý lên 114 người (tương đương 17%) trên tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống, trong đó cán bộ quản lý cấp cao là 4 người.



CHỈ TIÊU XÃ HỘI (TIẾP THEO)

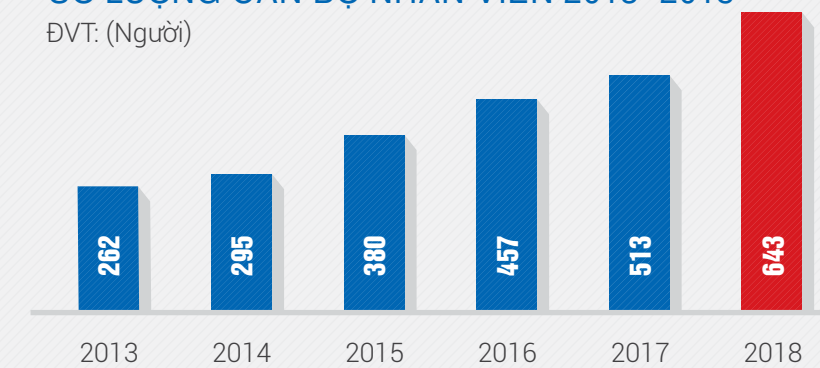
VIỆC LÀM - NGUỒN NHÂN LỰC TẠI MBS (TIẾP THEO)

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV Công ty
Khu vực		
Miền Bắc	411	64%
Miền Nam	232	36%
Giới tính		
Nam	340	53%
Nữ	303	47%
Nhóm tuổi		
Dưới 25 tuổi	79	12%
Từ 25 tuổi - dưới 30 tuổi	248	39%
Từ 30 tuổi - dưới 40 tuổi	262	41%
Từ 40 tuổi trở lên	54	8%
Trình độ đào tạo		
Trên đại học	60	9%
Đại học	562	87%
Cao đẳng	15	2%
Trung cấp + khác	6	1%
Cấp quản lý		
Cấp cao	4	1%
Cấp trung	110	17%
Nhân viên	529	82%



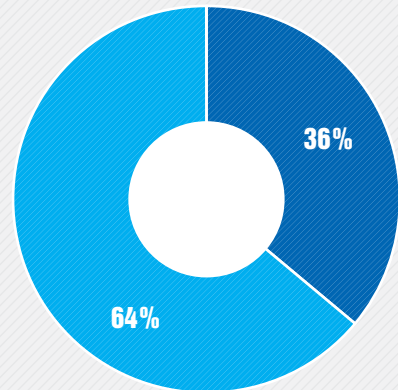
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN 2013 -2018

ĐVT: (Người)



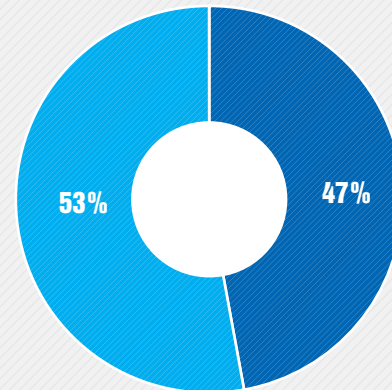
CHỈ TIÊU XÃ HỘI (TIẾP THEO)

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO VÙNG MIỀN
ĐVT: (%)



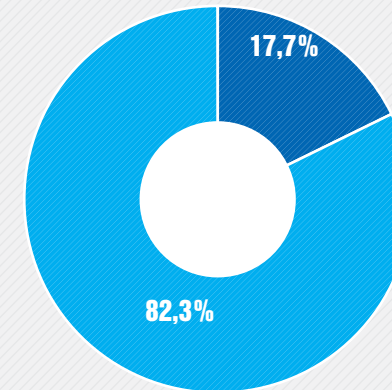
■ Khu vực phía Bắc
■ Khu vực phía Nam

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO GIỚI TÍNH
ĐVT: (%)



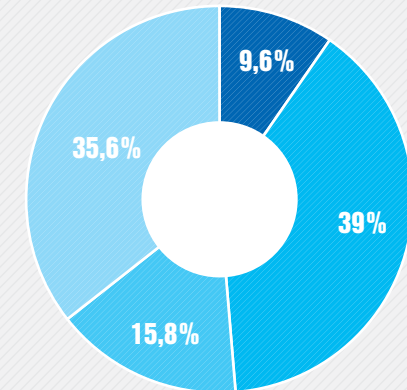
■ Nam
■ Nữ

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO VỊ TRÍ
ĐVT: (%)



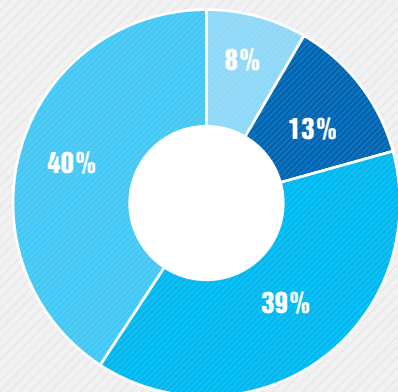
■ Cán bộ quản lý
■ Nhân viên

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
ĐVT: (%)



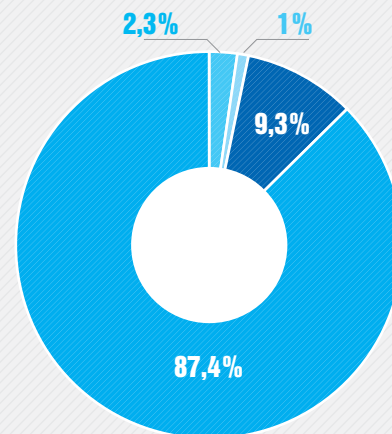
■ Kinh tế
■ Kinh doanh
■ Tài chính
■ Khác

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO ĐỘ TUỔI
ĐVT: (%)



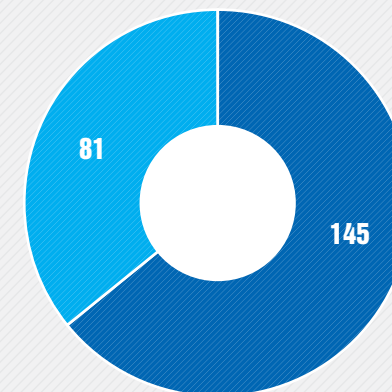
■ < 25 tuổi
■ 25 tuổi ≤ X < 30 tuổi
■ 30 tuổi ≤ X < 40 tuổi
■ X ≥ 40 tuổi

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN
ĐVT: (%)



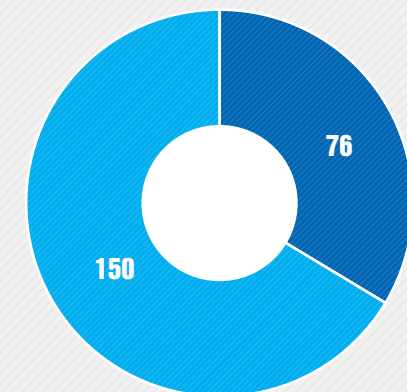
■ Cử nhân
■ Cao đẳng
■ Trung cấp + khác
■ Cao học

CƠ CẤU LAO ĐỘNG TUYỂN MỚI
ĐVT: (Người)



■ Khu vực phía Bắc
■ Khu vực phía Nam

CƠ CẤU TUYỂN DỤNG THEO ĐƠN VỊ (HỘI SỞ, CÁC CHI NHÁNH)
ĐVT: (Người)



■ Hội sở
■ Chi nhánh

CHỈ TIÊU XÃ HỘI (TIẾP THEO)



Bên cạnh đó, những chương trình hợp tác thường xuyên với các trường đại học lớn tại Hà Nội và TP. HCM cũng mở ra nhiều cơ hội tìm kiếm ứng viên tiềm năng cho MBS. Số sinh viên được tuyển vào MBS thực tập và làm việc tại khu vực phía Bắc là 163 sinh viên và tại khu vực phía Nam là 86 sinh viên.

THU HÚT NHÂN SỰ GIỎI VÀ KHỞI GỢI ĐAM MÊ CÔNG HIẾN

Năm 2018, MBS tập trung đẩy mạnh hoạt động kinh doanh. Việc tuyển dụng nhân sự được coi trọng, nhằm tìm được nhân sự giỏi để phát triển kinh doanh cả dịch vụ chứng khoán và dịch vụ ngân hàng đầu tư. Số lượng nhân sự tuyển mới tính đến 31/12/2018 là 226 người, tương đương 35% tổng số CBNV (tăng 25,3% so với 2017) trong đó tập trung vào khu vực phía nam, một thị trường rất tiềm năng của ngành tài chính chứng khoán.

Bằng việc điều chỉnh quy chế lương, rà soát các chính sách đãi ngộ, đa dạng hóa các kênh tuyển dụng cũng như thay đổi phương thức tiếp cận nguồn nhân lực, MBS đã thành công trong việc tuyển dụng được các vị trí chủ chốt.

Bên cạnh đó, những chương trình hợp tác thường xuyên với các trường đại học lớn tại Hà Nội và TP. HCM cũng mở ra nhiều cơ hội tìm kiếm ứng viên tiềm năng cho MBS. Số sinh viên được tuyển vào MBS thực tập và làm việc tại khu vực phía Bắc là 163 sinh viên và tại khu vực phía Nam là 86 sinh viên.

"Từ năm 2015 MBS triển khai hoạt động hợp tác với các trường đại học trong khuôn khổ các cuộc thi chuyên ngành và đào tạo chuyên môn với mục tiêu thu hút nhân sự trẻ tiềm năng cho MBS. Việc tham gia các hội chợ việc làm cũng giúp các bạn sinh viên hiểu và có sự lựa chọn đúng đắn về nghề."

Có nhiều bạn sinh viên mới gia nhập nói rằng cứ nghĩ vào công ty chứng khoán sẽ rất khắc nghiệt và căng thẳng nhưng các anh chị rất nhiệt tình chỉ bảo, các hoạt động nội bộ rất vui vẻ và gắn kết khiến họ cảm thấy rất vui và yên tâm cống hiến. Điều đó chính là động lực để bộ phận Nhân sự có thêm động lực và quyết tâm thực hiện các chương trình sau ngày một tốt hơn."



Lương Thủy Tiên - Phó phòng NSTH KVPN



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tại MBS, chế độ bảo hiểm cho người lao động được thực hiện đầy đủ, các chính sách phúc lợi thường xuyên được rà soát để đảm bảo người lao động được quan tâm một cách tối đa. Đây cũng là một yếu tố cạnh tranh trên thị trường lao động.

* Chế độ cho lao động nữ, chế độ thai sản, ốm đau:

Lao động nữ được nghỉ thai sản 6 tháng theo Luật lao động và khi quay trở lại làm việc được nghỉ 1 tiếng/ngày trong thời gian con dưới 12 tháng tuổi. Lao động nam được nghỉ thai sản theo chế độ từ 5 - 14 ngày vợ sinh con. Người lao động tại MBS có thể yên tâm nghỉ ngơi, chăm sóc con cái, phục hồi sức khỏe sau sinh... Các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng sức... được MBS tạo điều kiện nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động.



Quyền Thị Thu Hằng - Phó Giám đốc Khối Nhân sự tổng hợp, Chủ tịch Công đoàn

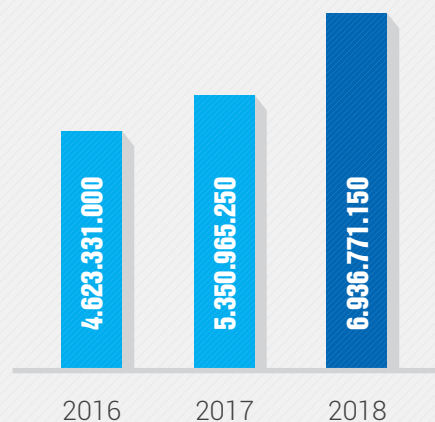
"Hoạt động Công đoàn ở MBS đi vào thực chất chứ không giống như những doanh nghiệp tư nhân khác. Chế độ và chính sách của người lao động được Lãnh đạo Ngân hàng và Lãnh đạo Công ty quan tâm một cách tối đa, đảm bảo sự công bằng, yên tâm gắn bó cho người lao động."

CHỈ TIÊU XÃ HỘI (TIẾP THEO)

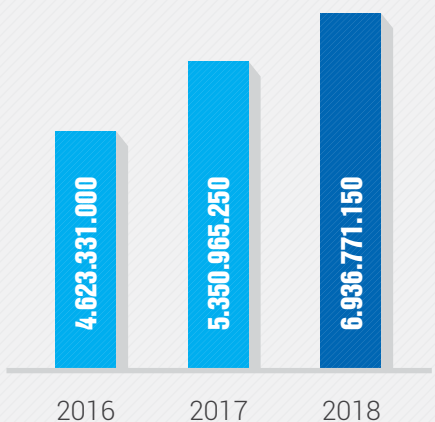
* Các chính sách bảo hiểm

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật lao động, MBS đã triển khai mua bảo hiểm sức khỏe MIC cho CBNV. Ngân sách dành cho bảo hiểm sức khỏe MIC năm 2018 là 1.350.515.044 đồng, tăng 141,7% so với năm 2017.

NGÂN SÁCH BHXH
ĐVT: (VNĐ)



NGÂN SÁCH BẢO HIỂM SỨC KHỎE
ĐVT: (VNĐ)



MBS cũng triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBNV với danh mục khám thiết thực, bổ sung các xét nghiệm cần thiết nhằm phát hiện sớm các bệnh nguy hiểm như một số bệnh ung thư phổ biến (ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư tuyến giáp...), biểu cổ, tiền liệt tuyến... Năm 2018, ngân sách dành cho khám sức khỏe định kỳ tại MBS là 711.107.600 đồng.

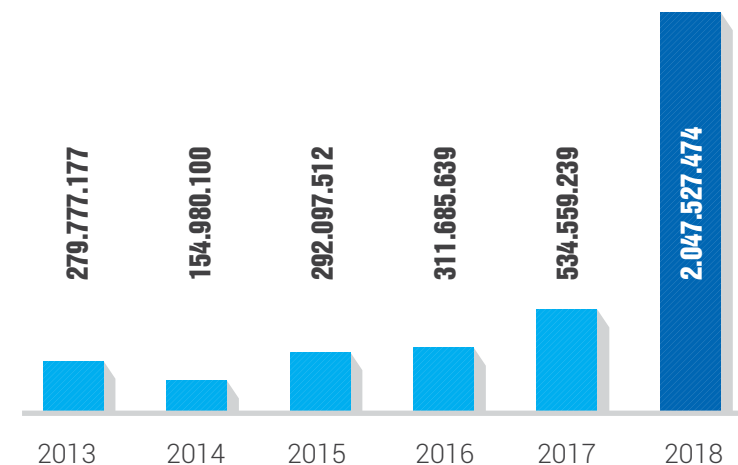
Bên cạnh đó, Công ty luôn khuyến khích người lao động rèn luyện sức khỏe, tham gia các phong trào thể dục thể thao như câu lạc bộ bóng đá MBS, tham gia các giải thể thao do Ngân hàng MB và các đơn vị/đối tác bên ngoài tổ chức.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Con người được coi là yếu tố trọng tâm tại MBS. Do vậy hoạt động đào tạo và tự đào tạo luôn được coi trọng. Các chương trình và nội dung đào tạo không chỉ giới hạn đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng mềm mà còn chú trọng đào tạo văn hóa, đạo đức nghề nghiệp và về giá trị cốt lõi của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức 43 khóa đào tạo với 498 CBNV tham dự, trong đó có 6 khóa đào tạo nội bộ và 37 khóa đào tạo bên ngoài với tổng chi phí đào tạo là 2.047.527.474 đồng, tăng 830% so với năm 2017.

CHI PHÍ ĐÀO TẠO
ĐVT: (VNĐ)



SỐ LƯỢT VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Đối tượng	Đào tạo nội bộ			Đào tạo bên ngoài		
	Tổng số giờ	Số lượt đào tạo	Trung bình số giờ đào tạo/ số lượt đào tạo	Tổng số giờ	Số lượt đào tạo	Trung bình số giờ đào tạo/ số lượt đào tạo
CBQL	642	214	3	3.267	123	27
Nhân viên	3.780	1.331	3	20.073	526	38

Năm 2018, Công ty đã cử 500 lượt cán bộ tham gia các khóa đào tạo của Trung tâm Nghiên cứu khoa học & đào tạo chứng khoán thuộc UBCKNN (cả khu vực phía nam và khu vực phía bắc). Trong đó, tổng số CBNV có chứng chỉ hành nghề chứng khoán là 179 người, có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phái sinh là 106 người.

Đào tạo năng lực lãnh đạo cho cán bộ quản lý trung và cao cấp:

MBS đã xây dựng khung năng lực quản trị đối với các vị trí chức danh quản lý trung và cao cấp. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức khóa đầu tiên đào tạo cán bộ quản lý cấp trung và cao cấp về kỹ năng lãnh đạo/ điều hành/quản lý, kỹ năng hoạch định và quản trị dự án...

CHỈ TIÊU XÃ HỘI (TIẾP THEO)

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

* Không phân biệt đối xử

Tại MBS, con người được đối xử công bằng và bình đẳng, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe. MBS cũng luôn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tuyển dụng, giao việc, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm... Lao động nữ tại MBS chiếm 47% tổng số lao động và 40% lãnh đạo cao cấp. Lao động nữ tại MBS luôn được quan tâm, tạo điều kiện để phát triển nghề nghiệp, ổn định cuộc sống. MBS luôn coi trọng bình đẳng giới trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

* Công bằng trong đánh giá, khen thưởng và ghi nhận thành tích

Đây là một trong những yếu tố quan trọng để tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty. Chính vì thế nội dung này luôn được Ban lãnh đạo công ty chú trọng, thể hiện qua việc:

- Giao mục tiêu công việc/kế hoạch kinh doanh từ đầu năm một cách rõ ràng theo tiêu chí SMART tới từng đơn vị, phòng ban và cá nhân người lao động. Mục tiêu được giao căn cứ trên cơ sở mục tiêu chung của công ty.
- Định kỳ 6 tháng và 1 năm, Công ty đánh giá kết quả thực hiện công việc dựa trên kết quả kinh doanh/kết quả làm việc của người lao động. Căn cứ đánh giá được dựa trên mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh (doanh thu, doanh số, số tài khoản mở mới, số hợp đồng ký kết...) và chỉ tiêu hoàn thành công việc tỷ lệ hoàn thành công việc và chất lượng công việc thực hiện.
- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty sẽ trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh cho người lao động. Thông qua kết quả này, Công ty cũng đánh giá được cần xây dựng chương trình đào tạo nào cho người lao động để phát huy thế mạnh hoặc bù đắp thiếu hụt. Tại lễ tổng kết năm 2018, MBS đã vinh danh khen thưởng 50 đơn vị và 193 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng.

CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG

Một trong những giá trị cốt lõi của MBS là "Trách nhiệm và phát triển cộng đồng" do vậy hoạt động từ thiện xã hội luôn được MBS quan tâm và thực hiện thường xuyên. Hàng năm, quỹ từ thiện "Trái tim MBS" đã tổ chức các chương trình từ thiện để chia sẻ khó khăn và góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn ở vùng sâu, vùng xa. Trong nhiều năm qua, Quỹ Trái tim MBS đã đặt chân tới nhiều nơi, mang tình cảm và sự chia sẻ tới người dân ở các tỉnh vùng núi phía bắc, miền trung và cả những tỉnh khó khăn phía nam như Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Quảng Bình, Bình Phước, Phú Yên...



Bùi Thanh Nga - Trưởng phòng Truyền thông
Chủ tịch Hội phụ nữ MBS

"Con người MBS làm việc trong một tổ chức đề cao tính nhân văn nên luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với xã hội và cộng đồng.

Rất nhiều những chuyến đi về nguồn đến các địa chỉ đỏ, các chương trình từ thiện đến tận vùng sâu vùng xa được các bạn hết sức quan tâm và tham gia nhiệt tình. Nhiệt tình đến mức đăng ký tham gia liên tục mấy năm liền trong khi biết số lượng đoàn có hạn và ưu tiên cho các bạn chưa đi lần nào. Mỗi cảm xúc của các bạn sau chuyến đi là mỗi cảm xúc riêng nhưng tựu chung lại đều là nhận thức về giá trị cuộc sống, và mong muốn làm được nhiều hơn những việc tốt để xã hội tốt đẹp hơn."



Các chương trình về nguồn tới các địa chỉ đỏ như các nghĩa trang liệt sỹ quốc gia (Trường Sơn, Đường 9, Thành cổ, Ngã ba Đồng Lộc) cũng được tổ chức thường xuyên nhằm giáo dục CBNV về tinh thần uống nước nhớ nguồn, biết ơn công lao và sự hy sinh của các thế hệ ông cha đi trước.

Trong năm 2018, MBS đã tổ chức và phối hợp tổ chức 7 chương trình xã hội, từ thiện. Các hoạt động bao gồm:

- Phối hợp với Hội bác sỹ tình nguyện khám chữa bệnh và cấp phát thuốc không phí cho người dân tại xã Chiềng Sung, Mai Sơn, Sơn La. Trong đó MBS tài trợ toàn bộ thuốc cho người dân trong chương trình.
- Tổ chức trung thu thiện nguyện và tặng quà cho trẻ mầm non tại Trường Mầm non Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội.
- Tổ chức trung thu thiện nguyện và tặng quà cho người dân và trẻ em tại huyện Bù Gia Mập, Bình Phước.
- Tặng quà cho con em các chiến sỹ đang làm nhiệm vụ ở Trường Sa trong chương trình "Vì trẻ em biển đảo".

- Ủng hộ cho các nạn nhân tai nạn giao thông thông qua chương trình Mottainai do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động.
- Ủng hộ xây nhà ở bán trú cho học sinh vùng cao thông qua giải chạy Family Ekiden.

Các chương trình về nguồn tới các địa chỉ đỏ như các nghĩa trang liệt sỹ quốc gia (Trường Sơn, Đường 9, Thành cổ, Ngã ba Đồng Lộc) cũng được tổ chức thường xuyên nhằm giáo dục CBNV về tinh thần uống nước nhớ nguồn, biết ơn công lao và sự hy sinh của các thế hệ ông cha đi trước.

Bên cạnh đó, CBNV MBS cũng tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức, tặng quà cho các các thương binh liệt sỹ là người thân của CBNV Công ty.

Các hoạt động xã hội từ thiện đã trở thành một trong những hoạt động không thể thiếu, được CBNV hưởng ứng nhiệt tình, góp phần xây dựng văn hóa nội bộ tại MBS.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, MBS thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa MBS với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Trong suốt chặng đường 18 năm phát triển, MBS luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của MBS. Trong đó, mục tiêu kinh tế được xem là mục tiêu quan trọng tiên quyết hàng đầu vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần và đủ để thực hiện tiếp nối các mục tiêu xã hội, môi trường.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, MBS thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa MBS với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty.



XÂY DỰNG HỆ THỐNG



Việc xây dựng và củng cố hệ thống quản trị luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban Lãnh đạo Công ty. Trong năm 2018, MBS đã mạnh mẽ thực thi chiến lược nhân sự, kinh doanh mới, tạo cơ hội bứt phá đặc biệt khi Công ty vừa hoàn thành quá trình tái cấu trúc thành công. Ban Kiểm soát đã đẩy mạnh vai trò trong công tác phát hiện, ngăn ngừa sự không phù hợp và các rủi ro, đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt trong quá trình thực hiện công việc của tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống.

Bước sang chặng đường phát triển mới, việc củng cố hệ thống sẽ được MBS triển khai đồng bộ, toàn diện với các giải pháp trọng tâm về quản trị, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, truyền thông thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ khách hàng, mạng lưới, kênh phân phối... để đảm bảo Công ty luôn vận hành tốt, tạo ra giá trị vững bền cho cổ đông, khách hàng và CBNV.

QUẢN TRỊ RỦI RO



MBS là công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ đầu tư tài chính. Mục tiêu Quản trị rủi ro của MBS là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư kinh doanh, tư vấn, môi giới... bảo đảm với mức chi phí hợp lý và sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động này, hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản trị rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Phòng Quản trị rủi ro MBS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo Công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với thị trường biến động liên tục. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro, MBS còn thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ kinh doanh để hạn chế tối đa rủi ro phát sinh.

CON NGƯỜI



Đặt con người là trọng tâm, MBS thường xuyên rà soát các chính sách tuyển dụng, lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt để thu hút và giữ chân nhân tài. Các hoạt động đào tạo cũng được chú trọng về chiều sâu, đào tạo chuyên môn nghiệp

vụ và các kỹ năng cần thiết cho công việc. Trên cơ sở đó, MBS đầu tư đào tạo đội ngũ nhân sự kế cận từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội phấn đấu cho người lao động phát huy thế mạnh, tận tâm cống hiến và gắn bó với công ty.

SẢN PHẨM VÀ CÔNG NGHỆ



MBS cung cấp các phần mềm giao dịch trực tuyến cho khách hàng giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh như Stock24, M.Stock, Home24, D24... Việc đầu tư vào hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin được MBS hoạch định theo giai đoạn, chủ động nâng cấp nhiều tính năng tiện ích tạo giá trị gia tăng cho khách hàng. Cung cấp các sản

phẩm công nghệ chính là một mục tiêu trọng yếu mà MBS sẽ triển khai trong thời gian tới. Ngoài các sản phẩm tài chính, sản phẩm công nghệ do MBS cung cấp, khách hàng cũng được tiếp cận với một hệ thống sản phẩm tài chính tiêu dùng, dịch vụ ngân hàng, bất động sản, bảo hiểm... của MB Group.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (TIẾP THEO)



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu; Bộ phận Quản lý Cổ đông tiếp tục đóng vai trò là chiếc cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và cổ đông. Năm 2018, MBS thực hiện hàng trăm lượt gặp gỡ với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước

ngoài thông qua các hội nghị chuyên ngành để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tiếp xúc và thảo luận với các bên liên quan thông qua các cuộc họp nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích các bên liên quan.



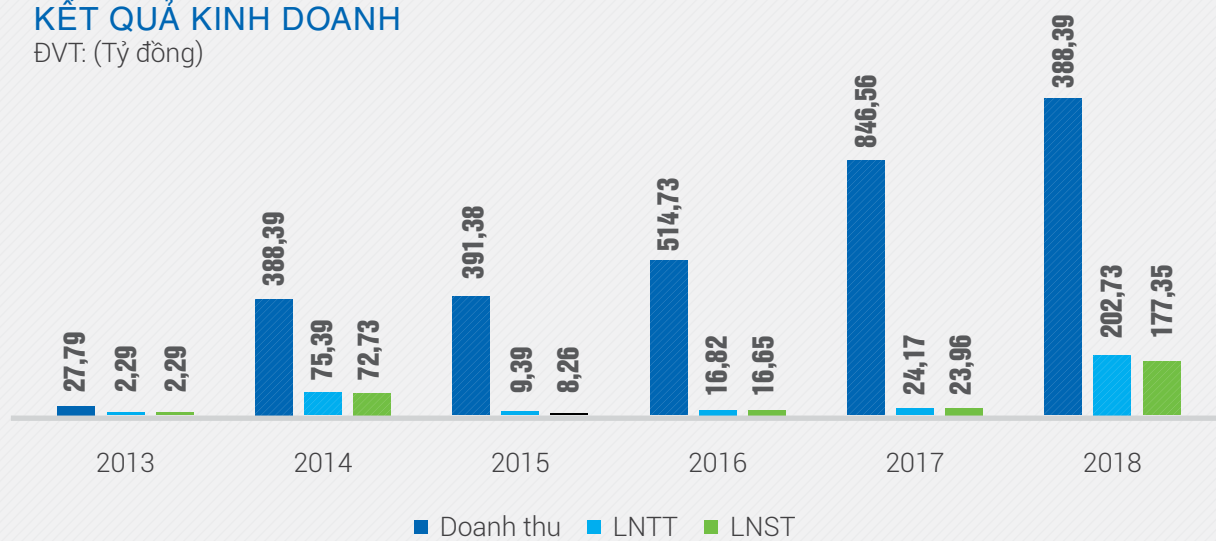
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

Kết thúc quá trình tái cấu trúc thành công, MBS đã có nhiều cơ hội, nguồn lực để tổ chức hoạt động kinh doanh. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 cho thấy định hướng đúng đắn của HĐQT và Ban Điều hành trong việc biến thách thức thành cơ hội, tạo đột phá trong quá trình phát triển.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, con người và công nghệ tiếp tục được coi là yếu tố trọng tâm để phát triển bền vững.

KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: (Tỷ đồng)



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

MỤC LỤC	TRANG
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 15
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	16
Thuyết minh báo cáo tài chính	17 - 65

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 12/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.221.242.800.000 đồng Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính tại tầng M, 3 và 7, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một (1) trụ sở chính và bảy (7) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- » Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ;
- » Tự doanh chứng khoán;
- » Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- » Lưu ký chứng khoán; và
- » Tư vấn đầu tư chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Đặng Thúy Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Phạm Thị Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Kim Chung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2013
Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 7 năm 2013
Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Việt Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Học	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Hải Hà, chức danh Tổng Giám đốc.

Bà Nguyễn Thị Việt Oanh, chức danh Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy Ủy quyền số 05/2019/MBS-UQ ngày 31 tháng 1 năm 2019 của Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- » lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2019

KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 2 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 65, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2019



Nguyễn Hà Lê
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3484-2015-004-1

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.645.838.061.489	4.163.525.209.406
110	I. Tài sản tài chính		3.615.362.264.946	4.041.543.208.798
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	458.449.693.695	261.746.724.202
111.1	1.1. Tiền		353.049.693.695	261.746.724.202
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		105.400.000.000	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	326.435.333.150	291.076.666.145
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	388.321.895.099	501.495.039.025
114	4. Các khoản cho vay	7.3	2.300.284.385.457	2.616.257.740.011
115	5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.4	223.584.964.268	225.723.559.574
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.5	(121.334.879.344)	(10.180.012.945)
117	7. Các khoản phải thu	8	17.092.208.135	19.033.259.399
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		250.000.000	-
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		16.842.208.135	19.033.259.399
	7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		4.403.516.106	5.076.160.874
117.4	7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		12.438.692.029	13.957.098.525
118	8. Trả trước cho người bán		7.113.128.118	7.131.672.268
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	160.183.782.851	378.537.563.784
122	10. Các khoản phải thu khác	10	105.905.858.047	193.888.082.341
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	11	(250.674.104.530)	(443.167.085.006)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		30.475.796.543	121.982.000.608
131	1. Tạm ứng		418.500.000	1.921.102.467
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		501.096.863	630.039.746
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	11.191.271.457	8.986.217.685
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13	15.364.928.223	110.063.000.000
136	5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	381.640.710
137	6. Tài sản ngắn hạn khác		3.000.000.000	-

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		128.981.970.343	107.754.835.330
220	I. Tài sản cố định		27.196.700.057	14.915.900.645
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	14.817.397.418	9.519.241.405
222	1.1 Nguyên giá		68.970.931.255	59.194.896.445
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(54.153.533.837)	(49.675.655.040)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	12.379.302.639	5.396.659.240
228	2.1 Nguyên giá		17.072.829.879	7.664.604.300
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(4.693.527.240)	(2.267.945.060)
250	II. Tài sản dài hạn khác		101.785.270.286	92.838.934.685
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.200.066.568	1.172.608.268
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	16	67.480.987.662	72.253.459.044
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	38.2	12.596.607.569	1.436.000.000
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	10.456.433.957	7.956.433.957
255	5. Tài sản dài hạn khác	18	10.051.174.530	10.020.433.416
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.774.820.031.832	4.271.280.044.736

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.314.347.734.261	2.986.707.500.291
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.466.392.532.245	2.257.412.289.803
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	427.000.000.000	679.990.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		427.000.000.000	679.990.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	4.176.063.812	5.557.395.701
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	21	7.488.668.464	9.899.849.301
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.409.002.000	1.786.002.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	14.364.889.406	11.826.913.224
323	6. Phải trả người lao động		3.711.797.577	6.499.013.027
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.484.766.416	1.740.521.874
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	80.292.797.998	93.088.341.540
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		326.552.003	339.633.825
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24	916.732.952.769	1.437.133.768.710
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	6.222.901.650	8.092.977.804
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.182.140.150	1.457.872.797
340	II. Nợ phải trả dài hạn		847.955.202.016	729.295.210.488
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	26	846.581.816.346	727.921.824.818
352	2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		1.373.385.670	1.373.385.670
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.460.472.297.571	1.284.572.544.445
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.1	1.460.472.297.571	1.284.572.544.445
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.221.138.185.300	1.221.230.286.300
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.221.242.800.000	1.221.242.800.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		1.221.242.800.000	1.221.242.800.000
411.5	1.2. Cổ phiếu quỹ		(104.614.700)	(12.513.700)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		15.062.113.426	6.194.502.054
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		15.052.129.326	6.184.517.954
416	4. Các quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		1.628.982.305	832.692.247
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	27.2	207.590.887.214	50.130.545.890
417.1	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		228.641.997.306	65.665.196.255
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(21.051.110.092)	(15.534.650.365)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.774.820.031.832	4.271.280.044.736

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
002	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	28.1	9.882.580.000	9.882.580.000
004	Nợ khó đòi đã xử lý	28.2	466.330.769.891	297.156.004.087
005	Ngoại tệ các loại	28.3	530.616.144	13.792.745
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	27.3	122.116.893	122.122.164
007	Cổ phiếu quỹ (số cổ phiếu)	27.3	7.387	1.656
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	28.4	76.013.080.000	153.502.110.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	28.5	127.968.330.000	127.968.330.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	28.6	22.901.644.900.000	17.459.593.720.000
021.1	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		15.178.793.640.000	10.329.683.100.000
021.2	<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>		616.066.060.000	686.505.890.000
021.3	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>		5.794.554.550.000	5.491.012.500.000
021.4	<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>		1.074.978.090.000	612.170.900.000
021.5	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		237.252.560.000	340.221.330.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	28.7	207.533.100.000	284.820.350.000
022.1	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		28.901.680.000	3.541.570.000
022.2	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>		178.631.420.000	281.278.780.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28.8	206.594.520.000	315.294.110.000
024.b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	28.9	1.693.810.000	4.839.890.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
026	Tiền gửi của khách hàng		1.518.756.848.324	1.781.972.345.919
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.10	1.514.979.124.473	1.720.500.354.967
027.1	<i>Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD</i>		360.158.207.507	44.162.257.377
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	28.10	1.560.058.864	60.864.158.377
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	28.11	2.217.664.987	607.832.575
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.12	1.516.539.183.337	1.781.364.513.344
031.1	<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		1.510.479.485.804	1.774.825.256.046
031.2	<i>Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		6.059.697.533	6.539.257.298
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	28.13	2.111.904.984	460.512.899
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.14	105.760.003	147.319.676

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2019



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh
Phó Tổng Giám đốc

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		138.541.975.994	54.430.794.886
01.1	<i>1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	29.1	127.340.223.777	37.778.823.596
01.2	<i>1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	29.2	(9.342.087.401)	9.478.397.514
01.3	<i>1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	29.3	20.543.839.618	7.173.573.776
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.4	43.830.410.544	23.669.513.114
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.5	309.550.604.079	264.411.081.016
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	29.6	3.392.479.452	15.921.764.658
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	30	398.697.492.409	315.620.662.600
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		219.800.822	-
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		11.539.756.145	10.275.501.801
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	31	88.522.490.910	114.282.054.090
11	9. Thu nhập hoạt động khác	32	47.310.709.363	39.117.702.919
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.041.605.719.718	837.729.075.084
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		48.811.073.605	134.463.311.523
21.1	<i>1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	29.1	41.096.463.428	109.212.808.771
21.2	<i>1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	29.2	7.340.187.073	25.013.047.879
21.3	<i>1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>		374.423.104	237.454.873
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	7.5	111.154.866.399	(133.166.584.142)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		15.005.993.717	5.498.110.441
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	33	335.988.825.721	245.642.876.428
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	925.084
29	6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		38.000.000	64.236.522
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		11.984.410.810	9.786.536.415
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		53.843.598.744	33.923.088.079
32	9. Chi phí hoạt động khác	34	(18.942.827.752)	233.688.491.150
40	Cộng chi phí hoạt động		557.883.941.244	529.900.991.500

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		5.207.178	-
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		4.221.789.086	2.645.789.790
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		4.226.996.264	2.645.789.790
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	35		
52	1. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành		183.423.790.642	189.845.663.055
55	2. Chi phí tài chính khác		-	106.213.077
60	Cộng chi phí tài chính		183.423.790.642	189.951.876.132
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		6.943.438.428	7.176.467.562
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	36	102.913.981.670	95.254.409.311
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		194.667.563.998	18.091.120.369
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác	37	8.070.862.615	6.186.379.889
72	Chi phí khác		6.733.680	109.173.983
80	Cộng kết quả hoạt động khác		8.064.128.935	6.077.205.906
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		202.731.692.933	24.168.326.275
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		219.408.760.229	39.702.976.640
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(16.677.067.296)	(15.534.650.365)
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	38	25.379.465.501	205.400.000
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.1	36.540.073.070	-
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	38.2	(11.160.607.569)	205.400.000
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		177.352.227.432	23.962.926.275
300	XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		1.497	314
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	1.497	314

Người lập biểu

Người kiểm soát

Người phê duyệt



Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2019



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh
Phó Tổng Giám đốc

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		202.731.692.933	24.168.326.275
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		267.197.150.144	291.083.138.880
03	Khấu hao TSCĐ		8.408.736.167	5.676.631.583
04	Các khoản dự phòng		92.212.038.648	100.660.607.008
05	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(5.207.178)	-
06	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành		183.423.790.642	184.757.033.606
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(11.133.317)
08	Dự thu tiền lãi		(16.842.208.135)	-
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		7.340.187.073	25.013.047.879
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	29.2	7.340.187.073	25.013.047.879
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(9.342.087.401)	(9.478.397.514)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(9.342.087.401)	(9.478.397.514)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		467.926.942.749	330.786.115.520
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(33.356.766.677)	18.826.356.522
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		113.173.143.926	(339.496.000.000)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		315.973.354.554	(596.882.152.356)
34	Giảm tài sản tài chính AFS		2.138.595.306	88.192.000.000
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(250.000.000)	12.600.000.000
36	Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		19.033.259.399	(9.893.073.829)
37	Giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		218.353.780.933	26.461.124.483
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(90.725.942.985)	16.920.271.620
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		96.328.951.095	(107.522.085.188)
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(6.599.967.155)	(105.356.870.348)
42	Tăng/(Giảm) chi phí trả trước		2.567.417.610	(1.621.350.262)
43	Thuế TNDN đã nộp	22	(35.338.350.829)	-
44	Lãi vay đã trả		(189.619.367.029)	(21.268.547.805)
45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(1.788.180.837)	855.971.868
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		744.244.542	479.994.575
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		1.336.253.941	4.466.457.962
48	(Giảm)/tăng phải trả người lao động		(2.787.215.450)	5.249.694.793
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		(525.301.411.759)	36.157.526.501
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		351.808.741.334	(641.044.565.944)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(20.692.863.079)	(8.170.826.097)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		9.200.710	47.969.091
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(20.683.662.369)	(8.122.857.006)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(92.101.000)	(7.728.000)
73	Tiền vay gốc		2.122.548.251.528	1.577.369.870.840
73.2	- Tiền vay khác		2.122.548.251.528	1.577.369.870.840
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.256.878.260.000)	(899.177.722.526)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(2.256.878.260.000)	(899.177.722.526)
75	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(60.319.984.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(134.422.109.472)	617.864.436.314
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		196.702.969.493	(31.302.986.636)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	261.746.724.202	293.049.710.838
101.1	Tiền		261.746.724.202	293.049.710.838
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		458.449.693.695	261.746.724.202
103.1	Tiền		353.049.693.695	261.746.724.202
103.2	Các khoản tương đương tiền		105.400.000.000	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		90.138.260.750.450	77.875.997.520.430
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(90.856.387.587.400)	(76.305.652.357.470)
07	3. Nhận tiền gửi/(chi trả) để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		462.759.276.895	(242.343.956.495)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(9.457.769.952)	(8.658.177.450)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.201.587.026.999	191.808.754.033
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.199.977.194.587)	(381.453.403.275)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		(263.215.497.595)	1.129.698.379.773
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		1.781.972.345.919	652.273.966.146
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.781.972.345.919	652.273.966.146
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.720.500.354.967	627.098.409.624
	Trong đó			
	Tiền gửi có kỳ hạn		1.676.338.097.590	627.098.409.624
	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		44.162.257.377	-
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		60.864.158.377	21.103.151.549
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		607.832.575	3.872.404.973
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		1.518.756.848.324	1.781.972.345.919
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.518.756.848.324	1.781.972.345.919
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.514.979.124.473	1.720.500.354.967
	Trong đó			
	Tiền gửi có kỳ hạn		1.154.820.916.966	1.676.338.097.590
	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		360.158.207.507	44.162.257.377
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		1.560.058.864	60.864.158.377
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		2.217.664.987	607.832.575

Người lập biểu



Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Người kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2019

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
	Ngày 1/1/2017 VND	Ngày 1/1/2018 VND	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2017 VND	Ngày 31/12/2018 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.221.238.014.300	1.221.230.286.300	(7.728.000)	-	(92.101.000)	-	1.221.230.286.300	1.221.138.185.300
1.1. Cổ phiếu phổ thông	1.221.242.800.000	1.221.242.800.000	-	-	-	-	1.221.242.800.000	1.221.242.800.000
1.2 Cổ phiếu quỹ	(4.785.700)	(12.513.700)	(7.728.000)	-	(92.101.000)	-	(12.513.700)	(104.614.700)
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.996.355.740	6.194.502.054	1.198.146.314	-	8.867.611.372	-	6.194.502.054	15.062.113.426
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	4.986.371.640	6.184.517.954	1.198.146.314	-	8.867.611.372	-	6.184.517.954	15.052.129.326
5. Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	-	832.692.247	832.692.247	-	796.290.058	-	832.692.247	1.628.982.305
6. Lợi nhuận chưa phân phối	92.956.182.231	50.130.545.890	23.962.926.275	66.788.562.616	177.352.227.432	19.891.886.108	50.130.545.890	207.590.887.214
a. Lợi nhuận đã thực hiện	92.956.182.231	65.665.196.255	39.497.576.640	66.788.562.616	182.868.687.159	19.891.886.108	65.665.196.255	228.641.997.306
b. Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(15.534.650.365)	(15.534.650.365)	-	(5.516.459.727)	-	(15.534.650.365)	(21.051.110.092)
TỔNG CỘNG	1.324.176.923.911	1.284.572.544.445	27.184.183.150	66.788.562.616	195.791.639.234	19.891.886.108	1.284.572.544.445	1.460.472.297.571

Người lập biểu



Bà Lê Thị Thu Hiền
Phó phòng Kế toán

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người kiểm soát



Ông Nguyễn Văn Học
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh
Phó Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 12/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại tầng M, 3 và 7, tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một (1) trụ sở chính và bảy (7) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 643 người (31 tháng 12 năm 2017: 513 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.221.242.800.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.460.472.297.571 VND và tổng tài sản là 3.774.820.031.832 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính. Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cốt lõi cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- » Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- » Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)****Hạn chế đầu tư (tiếp theo)**

- » Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu, cổ phiếu;
- » Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - ♦ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ♦ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ♦ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ♦ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ♦ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ♦ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - ♦ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - » Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - » Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - » Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - » Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - » Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)**

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS" thuộc phần thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- » Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- » Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như trình bày ở Thuyết minh số 4.6. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.6 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính**

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau :

- » Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- » Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- » Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- » Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được xác định bằng với giá gốc cộng với lãi dự thu (nếu có).

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- » Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- » Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - ♦ Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - ♦ Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- » Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- » Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.11 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

4.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	2 - 5 năm

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.14 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- » Chi phí cải tạo văn phòng;
- » Chi phí thuê văn phòng; và
- » Chi phí vật dụng văn phòng và các chi phí trả trước khác.

4.16 Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc, bao gồm khoản tiền thu được trừ đi chi phí phát hành, tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18 Lợi ích của nhân viên**4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

4.18.2 Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.18 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)****4.18.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- » Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- » Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)***Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.21 Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi phải trả tiền vay và lãi phải trả của trái phiếu do Công ty phát hành và các khoản tiền lãi phát sinh từ các dịch vụ khác của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.22 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.24 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4.25 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.26 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.26 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	353.049.693.695	261.746.724.202
Các khoản tương đương tiền	105.400.000.000	-
Tổng cộng	458.449.693.695	261.746.724.202

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Năm 2018		Năm 2017	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a) Của Công ty	76.389.310	4.470.715.511.800	39.138.025	1.032.613.535.328
- Cổ phiếu	46.379.310	1.169.652.641.800	36.559.053	771.560.058.000
- Trái phiếu	30.010.000	3.301.062.870.000	2.578.972	261.053.477.328
b) Của nhà đầu tư	9.044.835.117	215.014.361.862.450	9.101.530.901	161.099.673.566.269
- Cổ phiếu	9.040.770.717	214.634.397.641.050	9.088.541.892	159.706.726.878.360
- Trái phiếu	3.805.100	376.000.155.000	12.844.959	1.390.794.491.809
- Chứng khoán khác	259.300	3.964.066.400	144.050	2.152.196.100
Tổng cộng	9.121.224.427	219.485.077.374.250	9.140.668.926	162.132.287.101.597

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	130.768.091.721	98.551.166.882	306.611.316.510	291.076.666.145
HPG	18.369.914.011	14.899.546.650	17.982.802.869	17.817.873.950
TCB	28.695.698.000	25.850.000.000	14.658.541.387	12.814.104.000
TCL	19.189.451.094	16.782.925.000	19.486.559.440	18.678.717.000
PSP	10.762.981.891	5.820.010.000	-	-
SD3	9.157.541.200	3.434.787.600	25.160.090.000	23.200.000.000
VGG	25.160.090.000	20.240.000.000	43.162.085.633	43.503.000.000
Cổ phiếu niêm yết khác	19.432.415.525	11.523.897.632	186.161.237.181	175.062.971.195
Trái phiếu chưa niêm yết	227.884.166.268	227.884.166.268	-	-
Tổng cộng	358.652.257.989	326.435.333.150	306.611.316.510	291.076.666.145

7.2 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Trái phiếu chưa niêm yết	-	160.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	296.495.039.025	341.495.039.025
Chứng chỉ tiền gửi	91.826.856.074	-
Tổng cộng	388.321.895.099	501.495.039.025

7.3 Các khoản cho vay

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	2.152.650.919.624	2.152.650.919.624	2.555.683.171.544	2.555.683.171.544
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	147.633.465.833	147.633.465.833	60.574.568.467	60.574.568.467
Tổng cộng	2.300.284.385.457	2.300.284.385.457	2.616.257.740.011	2.616.257.740.011

7.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	223.584.964.268	102.250.084.924	225.723.559.574	215.543.546.629

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2018		31/12/2017	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Tài sản tài chính AFS				
CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.710.000	46.768.500.000	22.230.000.000	(24.538.500.000)
CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi	894.705	26.214.856.500	7.157.640.000	(19.057.216.500)
CTCP Đầu tư Tài chính Thăng Long	1.000.000	11.640.000.000	4.000.000.000	(7.640.000.000)
CTCP Giao nhận kho vận ngoại thương HP	50.000	1.880.000.000	650.000.000	(1.230.000.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	7.582.078	137.081.607.768	68.212.444.924	(68.869.162.844)
Tổng cộng	11.236.783	223.584.964.268	102.250.084.924	(121.334.879.344)
				Trích lập trong năm VND
				24.538.500.000
				19.057.216.500
				7.000.000.000
				1.230.000.000
				59.329.149.899
				111.154.866.399

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (tiếp theo)

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính AFS:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	10.180.012.945	143.731.791.087
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	111.154.866.399	(133.551.778.142)
Số dư cuối năm	121.334.879.344	10.180.012.945

7.6 Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

31/12/2018				
Chênh lệch đánh giá				
Các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	130.768.091.721	136.310.113	(32.353.234.952)	98.551.166.882
Trái phiếu chưa niêm yết	227.884.166.268	-	-	227.884.166.268
AFS				
Cổ phiếu chưa niêm yết	220.584.964.268	-	(118.334.879.344)	102.250.084.924
Đầu tư khác	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
Tổng cộng	582.237.222.257	136.310.113	(153.688.114.296)	428.685.418.074

Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính năm 2017 như sau:

31/12/2017				
Chênh lệch đánh giá				
Các loại tài sản tài chính	Giá mua VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại VND
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	306.611.316.510	9.478.397.514	(25.013.047.879)	291.076.666.145
AFS				
Cổ phiếu chưa niêm yết	222.723.559.574	-	(7.180.012.945)	215.543.546.629
Đầu tư khác	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
Tổng cộng	532.334.876.084	9.478.397.514	(35.193.060.824)	506.620.212.774

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	250.000.000	-
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	4.403.516.106	5.076.160.874
<i>Phải thu cổ tức</i>	<i>133.509.400</i>	<i>130.348.800</i>
<i>Phải thu lãi cho vay margin</i>	<i>4.270.006.706</i>	<i>4.945.812.074</i>
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	12.438.692.029	13.957.098.525
<i>Dự thu lãi trái phiếu</i>	<i>2.895.197.809</i>	<i>404.444.444</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>9.543.494.220</i>	<i>13.552.654.081</i>
Tổng cộng	17.092.208.135	19.033.259.399

9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	13.707.789.800	9.806.000.000
Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư và hợp tác kinh doanh chứng khoán	109.811.217.411	331.980.076.024
Phải thu dịch vụ khác	36.664.460.220	36.751.487.760
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	315.420	-
Tổng cộng	160.183.782.851	378.537.563.784

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải thu lãi các dịch vụ tài chính CTCK cung cấp	80.435.181.474	134.014.032.109
Phải thu khác	25.470.676.573	59.874.050.232
Tổng cộng	105.905.858.047	193.888.082.341

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Dự phòng phải thu các dịch vụ do CTCK cung cấp	250.535.404.530	443.028.385.006
Dự phòng phải thu khác	138.700.000	138.700.000
Tổng cộng	250.674.104.530	443.167.085.006

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số dư đầu năm	443.167.085.006	513.357.310.972
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(18.942.827.752)	233.688.491.150
Xử lý khoản phải thu tổn thất bằng nguồn dự phòng trong năm	(173.550.152.724)	(303.878.717.116)
Số dư cuối năm	250.674.104.530	443.167.085.006

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	549.289.180	541.104.630
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.467.905.490	4.729.007.310
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	2.386.531.335	3.367.986.992
Chi phí trả trước khác	1.787.545.452	348.118.753
Tổng cộng	11.191.271.457	8.986.217.685

13. CẤM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ CƯỢC, KỶ QUỸ NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	133.478.223	-
Đặt cọc mua cổ phần	-	95.000.000.000
Đặt cọc khác	15.231.450.000	15.063.000.000
Tổng cộng	15.364.928.223	110.063.000.000

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.275.753.000	49.857.725.207	5.473.093.999	2.588.324.239	59.194.896.445
Mua trong năm	-	9.384.716.000	41.613.000	1.858.308.500	11.284.637.500
Giảm trong năm	(1.275.753.000)	(229.522.162)	-	(3.327.528)	(1.508.602.690)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	59.012.919.045	5.514.706.999	4.443.305.211	68.970.931.255
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	1.275.753.000	43.591.207.771	2.221.279.283	2.587.414.986	49.675.655.040
Khấu hao trong năm	-	5.016.890.071	915.963.306	50.300.610	5.983.153.987
Giảm trong năm	(1.275.753.000)	(229.522.162)	-	(28)	(1.505.275.190)
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	48.378.575.680	3.137.242.589	2.637.715.568	54.153.533.837
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	6.266.517.436	3.251.814.716	909.253	9.519.241.405
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	10.634.343.365	2.377.464.410	1.805.589.643	14.817.397.418

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 42.221 triệu VND đã hết khấu hao nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2017: 41.266 triệu VND)

Biến động số dư tài sản cố định hữu hình năm 2017 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.309.659.400	48.892.144.018	4.938.662.507	2.622.607.326	57.763.073.251
Mua trong năm	-	1.344.871.097	1.172.184.000	-	2.517.055.097
Giảm trong năm	(33.906.400)	(379.289.908)	(637.752.508)	(34.283.087)	(1.085.231.903)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.275.753.000	49.857.725.207	5.473.093.999	2.588.324.239	59.194.896.445
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.303.725.786	39.631.704.531	2.132.235.191	2.608.815.841	45.676.481.349
Khấu hao trong năm	2.770.842	4.305.120.146	726.796.600	12.882.232	5.047.569.820
Giảm trong năm	(30.743.628)	(345.616.906)	(637.752.508)	(34.283.087)	(1.048.396.129)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.275.753.000	43.591.207.771	2.221.279.283	2.587.414.986	49.675.655.040
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.933.614	9.260.439.487	2.806.427.316	1.3.791.485	12.086.591.902
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	6.266.517.436	3.251.814.716	909.253	9.519.241.405

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	7.664.604.300
Mua trong năm	9.408.225.579
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	17.072.829.879
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.267.945.060
Hao mòn trong năm	2.425.582.180
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.693.527.240
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	5.396.659.240
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	12.379.302.639

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 1.608 triệu VND đã hết khấu hao nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2017: 1.488 triệu VND).

Biến động số dư tài sản cố định vô hình năm 2017 như sau

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.010.833.300
Mua trong năm	5.653.771.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.664.604.300
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.638.883.297
Hao mòn trong năm	629.061.763
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.267.945.060
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	371.950.003
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.396.659.240

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Chi phí thuê nhà dài hạn	66.913.016.199	70.928.149.083
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	567.971.463	1.325.309.961
Tổng cộng	67.480.987.662	72.253.459.044

17. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD").

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc VSD, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Số dư đầu năm	7.956.433.957	5.456.433.957
Tiền nộp thêm	2.048.444.670	2.199.875.486
Lãi phân bổ	451.555.330	300.124.514
Số dư cuối năm	10.456.433.957	7.956.433.957

18. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD"). Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc VSD về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 4 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi Quyết định 97, thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền (VND) hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền tối thiểu do VSD quy định cụ thể.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Số dư đầu năm	10.020.433.416	-
Tiền nộp trong năm	-	10.000.000.000
Lãi trong năm	30.741.114	20.433.416
Số dư cuối năm	10.051.174.530	10.020.433.416

19. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng	427.000.000.000	679.990.000.000

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 5% đến 6,4%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng và chứng khoán chưa niêm yết thuộc sở hữu của Công ty.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (Phí giao dịch chứng khoán)	3.276.288.588	4.813.185.236
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (Phí lưu ký, phí chuyển khoản)	899.775.224	744.210.465
Tổng cộng	4.176.063.812	5.557.395.701

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả phí môi giới giới thiệu khách hàng	7.488.668.464	9.899.849.301

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	111.298.525	565.209.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp	820.081.531	-
Thuế thu nhập cá nhân	13.146.557.407	11.248.244.929
Các loại thuế khác	286.951.943	13.458.435
Tổng cộng	14.364.889.406	11.826.913.224

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm:

	Số phải trả đầu năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phải trả cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	565.209.860	-	5.296.229.823	5.750.141.158	111.298.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	381.640.710	36.540.073.070	35.338.350.829	820.081.531
Thuế thu nhập cá nhân	11.248.244.929	-	168.297.046.322	166.398.733.844	13.146.557.407
Các loại thuế khác	13.458.435	-	3.638.967.139	3.365.473.631	286.951.943
Tổng cộng	11.826.913.224	381.640.710	213.772.316.354	210.852.699.462	14.364.889.406

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	33.026.857.837	34.292.698.016
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	530.323.288	409.694.721
Dự trả cho các lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân và tổ chức	9.156.244.729	14.206.609.504
Chi phí phải trả khác	37.579.372.144	44.179.339.299
Tổng cộng	80.292.797.998	93.088.341.540

24. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Nhận ký quỹ, ký cược theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với khách hàng	916.732.952.769	1.437.133.768.710

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn theo hợp đồng hợp tác với các nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, thời hạn từ 1 tuần đến 12 tháng và trả thu nhập từ 1,9% đến 9,095%/năm tính trên số dư tài khoản ký quỹ, ký cược. (31/12/2017: 2,6% - 9,9%/năm)

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả cho các dịch vụ tài chính khác	1.136.238.322	1.707.965.645
Các khoản phải trả khác	5.086.663.328	6.385.012.159
Tổng cộng	6.222.901.650	8.092.977.804

26. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH DÀI HẠN

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Trái phiếu phát hành dài hạn	846.581.816.346	727.921.824.818

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
2016	Lô 1	8,675%	2019	41.000.000.000	67.000.000.000
	Lô 2	8,675%		10.000.000.000	21.000.000.000
	Lô 3	8,75%		39.000.000.000	48.000.000.000
2017	Lô 1	8% - 8,2%	2020	20.000.000.000	81.000.000.000
	Lô 2	8%		52.000.000.000	176.000.000.000
	Lô 3	8%		20.000.000.000	209.000.000.000
	Lô 4	8%		14.000.000.000	74.000.000.000
	Lô 5	8%		10.000.000.000	52.000.000.000
2018	Lô 1	8% - 8,31%	2021	194.000.000.000	-
	Lô 2	8%		109.000.000.000	-
	Lô 3	8%		100.000.000.000	-
	Lô 4	8%		240.000.000.000	-
Chi phí phát hành				(2.418.183.654)	(78.175.182)
Trái phiếu phát hành dài hạn				846.581.816.346	727.921.824.818

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	Lợi nhuận sau thuế	Mua cổ phiếu quỹ	Trích lập quỹ	Chi trả cổ tức	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Lợi nhuận sau thuế	Mua cổ phiếu quỹ	Trích lập quỹ	Tặng khác	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
Vốn góp của chủ sở hữu VND	1.221.242.800.000	-	-	-	-	1.221.242.800.000	-	-	-	-	1.221.242.800.000
Cổ phiếu quỹ VND	(4.785.700)	-	(7.728.000)	-	-	(12.513.700)	-	(92.101.000)	-	-	(104.614.700)
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	4.996.355.740	-	-	1.198.146.314	-	6.194.502.054	-	-	8.867.611.372	-	15.062.113.426
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	4.986.371.640	-	-	1.198.146.314	-	6.184.517.954	-	-	8.867.611.372	-	15.052.129.326
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	-	-	-	832.692.247	-	832.692.247	-	-	718.887.788	-	1.628.982.305
Lợi nhuận chưa phân phối VND	92.956.182.231	23.962.926.275	-	(5.727.061.616)	(61.061.501.000)	50.130.545.890	177.352.227.432	-	-	-	207.590.887.214
Tổng cộng VND	1.324.176.923.911	23.962.926.275	(7.728.000)	(2.498.076.741)	(61.061.501.000)	1.284.572.544.445	177.352.227.432	(92.101.000)	(1.437.775.576)	77.402.270	1.460.472.297.571

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

27.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	228.641.997.306	65.665.196.255
Lợi nhuận chưa thực hiện	(21.051.110.092)	(15.534.650.365)
Tổng cộng	207.590.887.214	50.130.545.890

27.3 Cổ phiếu

Đơn vị: cổ phiếu

	31/12/2018	31/12/2017
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	122.124.280	122.124.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	122.124.280	122.124.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	122.124.280	122.124.280
- Cổ phiếu phổ thông	122.124.280	122.124.280
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	(7.387)	(1.656)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(7.387)	(1.656)
- Cổ phiếu phổ thông	(7.387)	(1.656)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	122.116.893	122.122.624
- Cổ phiếu phổ thông	122.116.893	122.122.624
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

28.1 Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	9.882.580.000	9.882.580.000
Tổng cộng	9.882.580.000	9.882.580.000

28.2 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Dịch vụ hợp đồng có cam kết mua bán lại	46.996.248.342	47.954.214.062
Dịch vụ tài chính niêm yết	24.819.371.355	249.144.790.025
Dịch vụ tài chính khác	171.082.150.194	-
Nợ khó đòi đã xử lý khác	57.000.000	57.000.000
Tổng cộng	466.330.769.891	297.156.004.087

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

28.3 Ngoại tệ các loại

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Ngoại tệ bằng USD	530.473.911	13.650.512
Ngoại tệ bằng JPY	142.233	142.233
Tổng cộng	530.616.144	13.792.745

28.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	62.850.030.000	140.439.060.000
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	13.063.050.000	13.063.050.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	100.000.000	-
Tổng cộng	76.013.080.000	153.502.110.000

28.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	127.968.330.000	127.968.330.000
Tổng cộng	127.968.330.000	127.968.330.000

28.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	15.178.793.640.000	10.329.683.100.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	616.066.060.000	686.505.890.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	5.794.554.550.000	5.491.012.500.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	1.074.978.090.000	612.170.900.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	237.252.560.000	340.221.330.000
Tổng cộng	22.901.644.900.000	17.459.593.720.000

28.7 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	28.901.680.000	3.541.570.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	178.631.420.000	281.278.780.000
Tổng cộng	207.533.100.000	284.820.350.000

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

28.8 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	206.580.220.000	314.880.110.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư nước ngoài	14.300.000	414.000.000
Tổng cộng	206.594.520.000	315.294.110.000

28.9 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư trong nước	1.693.810.000	4.839.890.000
Tổng cộng	1.693.810.000	4.839.890.000

28.10 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.001.889.128.874	1.616.344.086.876
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.001.237.339.876	1.615.695.466.448
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	651.788.998	648.620.428
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư để theo dõi tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	152.931.788.092	59.994.010.714
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	360.158.207.507	44.162.257.377
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.560.058.864	60.864.158.377
Tổng cộng	1.516.539.183.337	1.781.364.513.344

28.11 Tiền gửi của Tổ chức phát hành

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	2.111.904.984	460.512.899
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	105.760.003	147.319.676
Tổng cộng	2.217.664.987	607.832.575

28.12 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.510.479.485.804	1.774.825.256.046
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	6.059.697.533	6.539.257.298
Tổng cộng	1.516.539.183.337	1.781.364.513.344

28.13 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Công ty CP ĐT TM Hoa Sen Việt Nam	592.620	592.620
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.953.000	10.953.000
Công ty CP du lịch Kim Liên	488.085	-
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	2.099.871.279	448.967.279
Tổng cộng	2.111.904.984	460.512.899

28.14 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	105.760.003	147.319.676
Tổng cộng	105.760.003	147.319.676

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

29.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

29.1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	18.227.537	467.561.071.172	394.472.711.421	73.088.359.751	26.799.004.686
	CTG	225.010	7.072.786.000	5.456.671.738	1.616.114.262	-
	DIG	7.500.300	175.228.572.000	149.293.769.868	25.934.802.132	-
	BSR	3.800.000	117.760.200.000	85.880.000.000	31.880.200.000	-
	Cổ phiếu niêm yết khác	6.702.227	167.499.513.172	153.842.269.815	13.657.243.357	26.799.004.686
2	Chứng chỉ tiền gửi	90.000	90.406.849.315	90.020.340.000	386.509.315	2.320.000.000
3	Trái phiếu niêm yết	8.130.000	881.854.620.000	869.199.016.667	12.655.603.333	52.418.508
	Trái phiếu KBC11710	1.990.000	208.087.170.000	198.058.066.667	10.029.103.333	-
	Trái phiếu NVLG122018	-	-	-	-	52.418.508
	Trái phiếu BVDB17319	1.200.000	137.515.800.000	136.850.700.000	665.100.000	-
	Trái phiếu niêm yết khác	4.940.000	536.251.650.000	534.290.250.000	1.961.400.000	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	9.555.689	1.411.440.411.890	1.370.230.660.512	41.209.751.378	8.607.400.402
	Trái phiếu Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình	138	14.264.953.398	13.800.000.000	464.953.398	3.530.547.945
	Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova	2.198.937	229.429.466.764	219.541.046.276	9.888.420.488	-
	Trái phiếu Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	-	-	-	-	994.483.515
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	7.356.614	1.167.745.991.728	1.136.889.614.236	30.856.377.492	4.082.368.942
	Tổng cộng	36.003.226	2.851.262.952.377	2.723.922.728.600	127.340.223.777	37.778.823.596

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

29.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

29.1.2 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
1	Cổ phiếu niêm yết	5.357.910	84.238.758.000	116.105.107.036	31.866.349.036	108.510.808.771
	SFG	414.160	5.602.246.000	5.685.273.718	83.027.718	34.398.940
	REE	200.000	6.811.582.500	7.583.624.655	772.042.155	-
	POW	972.100	12.605.960.000	14.021.360.000	1.415.400.000	-
	PVB	-	-	-	-	6.473.697.848
	Cổ phiếu niêm yết khác	3.771.650	59.218.969.500	88.814.848.663	29.595.879.163	102.002.711.983
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	180.000	1.353.333.333	2.880.000.000	1.526.666.667	702.000.000
	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhà khoa DETEC	180.000	1.353.333.333	2.880.000.000	1.526.666.667	-
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	-	-	-	-	702.000.000
3	Trái phiếu niêm yết	6.750.000	726.575.870.000	733.559.190.000	6.983.320.000	-
	Trái phiếu KBC11710	1.690.000	172.746.730.000	179.641.930.000	6.895.200.000	-
	Trái phiếu niêm yết khác	5.060.000	553.829.140.000	553.917.260.000	88.120.000	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	283.262	139.029.364.853	139.749.492.578	720.127.725	-
	Trái phiếu Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình	1.102	110.399.265.753	110.664.953.398	265.687.645	-
	Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc Nova	282.160	28.630.099.100	29.084.539.180	454.440.080	-
	Tổng cộng	12.571.172	951.197.326.186	992.293.789.614	41.096.463.428	109.212.808.771

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

29.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
FVTPL							
Cổ phiếu niêm yết	130.768.091.721	98.551.166.882	(32.216.924.839)	(15.534.650.365)	(16.682.274.474)	(9.342.087.401)	(7.340.187.073)
BCC	5.834.917.300	2.489.006.000	(3.345.911.300)	(2.924.835.300)	(421.076.000)	-	(421.076.000)
DVP	9.569.294.972	5.872.440.000	(3.696.854.972)	(677.292.308)	(3.019.562.664)	-	(3.019.562.664)
HPG	18.369.914.011	14.899.546.650	(3.470.367.361)	2.400.020	(3.472.767.381)	(2.400.020)	(3.470.367.361)
TCB	28.695.698.000	25.850.000.000	(2.845.698.000)	-	(2.845.698.000)	-	(2.845.698.000)
TCL	19.189.451.094	16.782.925.000	(2.406.526.094)	(807.842.440)	(1.598.683.654)	-	(1.598.683.654)
PSP	10.762.981.891	5.820.010.000	(4.942.971.891)	(2.769.090.000)	(2.173.881.891)	-	(2.173.881.891)
DIG	1.762.026	1.472.500	(289.526)	8.103.097.656	(8.103.387.182)	(8.103.097.656)	(289.526)
VGG	25.160.090.000	20.240.000.000	(4.920.090.000)	(38.730)	(4.920.051.270)	-	(4.920.051.270)
Cổ phiếu niêm yết khác	13.183.982.427	6.595.766.732	(6.588.215.695)	(16.461.049.263)	9.872.833.568	(1.236.589.725)	11.109.423.293
Tổng cộng	130.768.091.721	98.551.166.882	(32.216.924.839)	(15.534.650.365)	(16.682.274.474)	(9.342.087.401)	(7.340.187.073)

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

29.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức	6.069.171.179	7.173.573.776
Trái tức	14.474.668.439	-
Tổng cộng	20.543.839.618	7.173.573.776

29.4 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.983.226.373	22.753.957.559
Trái tức	20.684.444.445	404.444.444
Lãi chứng chỉ tiền gửi	162.739.726	511.111.111
Tổng cộng	43.830.410.544	23.669.513.114

29.5 Lãi phát sinh từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch kỳ quỹ	290.107.107.560	254.757.491.842
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	19.443.496.519	9.653.589.174
Tổng cộng	309.550.604.079	264.411.081.016

29.6 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức	515.000.000	530.000.000
Trái tức	2.877.479.452	15.391.764.658
Tổng cộng	3.392.479.452	15.921.764.658

30. DOANH THU NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	348.840.977.409	270.840.662.600
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán phái sinh	49.856.515.000	-
Doanh thu môi giới khác	-	44.780.000.000
Tổng cộng	398.697.492.409	315.620.662.600

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	6.051.490.910	13.391.818.181
Doanh thu thu xếp phát hành trái phiếu	82.471.000.000	100.890.235.909
Tổng cộng	88.522.490.910	114.282.054.090

32. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	5.603.661.695	5.682.704.536
Doanh thu phí chuyển nhượng	1.214.839.825	316.202.399
Doanh thu môi giới cho vay với ngân hàng mẹ	37.168.987.041	31.549.982.330
Doanh thu dịch vụ khác	3.323.220.802	1.568.813.654
Tổng cộng	47.310.709.363	39.117.702.919

33. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	55.906.945.002	48.371.730.808
Chi phí tiền lương các chi phí khác cho nhân viên	157.346.941.002	101.384.714.828
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.764.080.152	23.547.955.189
Chi phí lương kinh doanh cộng tác viên kinh doanh và các khoản chi khác	92.970.859.565	72.338.475.603
Tổng cộng	335.988.825.721	245.642.876.428

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán	(18.942.827.752)	233.688.491.150
Tổng cộng	(18.942.827.752)	233.688.491.150

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	64.003.153.492	48.635.684.172
Chi phí lãi vay ngân hàng	25.951.719.250	7.888.929.568
Chi phí cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức	85.976.608.597	127.495.919.866
Chi phí hoa hồng phát hành trái phiếu	7.492.309.303	5.825.129.449
Chi phí tài chính khác	-	106.213.077
Tổng cộng	183.423.790.642	189.951.876.132

36. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lương và các khoản phúc lợi	56.392.723.655	60.731.343.634
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	1.269.623.170	1.042.495.564
Chi phí công cụ, dụng cụ	725.755.015	330.688.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.779.279.723	2.442.115.633
Chi phí thuế, phí, lệ phí	135.401.620	90.137.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.197.401.807	12.801.669.112
Chi phí khác	27.413.796.680	17.815.959.203
Tổng cộng	102.913.981.670	95.254.409.311

37. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ vi phạm thực hiện hợp đồng	3.871.727.490	3.732.257.900
Thu nhập khác	4.199.135.125	2.454.121.989
Tổng cộng	8.070.862.615	6.186.379.889

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

38.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2017: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	202.731.692.933	24.168.326.275
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được khấu trừ	2.983.636.980	1.393.881.527
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi trích trước	30.771.320.183	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập từ cổ tức	(6.584.171.179)	(7.703.573.776)
- Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.180.000.000)	(1.027.000.000)
- Chênh lệch thuần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	16.682.274.474	15.534.650.365
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(5.207.178)	-
Lỗi lũy kế được chuyển (*)	(56.699.180.867)	(32.366.284.391)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	182.700.365.346	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	36.540.073.070	-

(*) Tổng số lỗi lũy kế được phép chuyển trong năm là 58.684.578.370 VND, tuy nhiên Công ty đã thực hiện đánh giá lại các khoản lỗi này và nhận thấy có một khoản chi phí không đáp ứng được yêu cầu để ghi nhận là khoản chi phí hợp lý, hợp lệ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, do vậy Công ty đã thận trọng thực hiện căn trừ khoản lỗi 56.699.180.867 VND khi xác định thu nhập chịu thuế ước tính trong năm.

38.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	1.436.000.000	1.641.400.000
Các khoản chênh lệch tạm thời tính thuế	55.803.037.844	(1.027.000.000)
Trong đó:		
- Lỗi lũy kế từ chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	32.216.924.839	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	(5.207.178)	-
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi trích trước	30.771.320.183	-
- Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.180.000.000)	(1.027.000.000)
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	11.160.607.569	(205.400.000)
Số dư cuối năm	12.596.607.569	1.436.000.000

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông:

	Năm 2018	Năm 2017
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	122.120.290	121.788.539

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2018	Năm 2017 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế - VND	182.868.687.159	39.702.976.640
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*) - VND	-	(1.437.775.576)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	182.868.687.159	38.265.201.064
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	122.120.290	121.788.539
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	1.497	314

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017.

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ phân bổ vào quỹ này cho năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sẽ giảm đi.

40. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Số dư trọng yếu với các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Nội dung nghiệp vụ	31/12/2018	31/12/2017	
	Phải thu/(Phải trả) VND	Phải thu/(Phải trả) VND	
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Tiền gửi thanh toán của Công ty	145.013.055.874	157.917.278.981
	Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	325.066.117.099	1.045.519.849.852
	Phải thu phí hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	4.800.986	32.170.609
	Ủy thác đầu tư	3.000.000.000	3.000.000.000
	Phải trả chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	(940.000.000)	-
	Phải trả chi phí thuê văn phòng	(333.096.934)	(209.000.000)
	Đặt cọc thuê văn phòng	1.111.228.170	1.111.228.170
Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	Đặt cọc thuê văn phòng	(13.258.300)	-
	Đặt cọc thuê văn phòng	(13.258.300)	-
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Đặt cọc thuê văn phòng	(13.258.300)	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Nhận tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	(34.868.898)

40. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giá trị các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2018 và năm 2017 như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Năm 2018	Năm 2017	
	Thu nhập/(Chi phí) VND	Thu nhập/(Chi phí) VND	
Ngân hàng TMCP Quân đội	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	948.253.682	816.908.836
	Doanh thu phí quản lý cổ đông	600.000.000	600.000.000
	Doanh thu phí hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	36.668.654.292	39.650.000.000
	Doanh thu tư vấn phát hành trái phiếu	100.000.000	-
	Doanh thu chuyển nhượng trái phiếu	173.000.000	-
	Chi phí thuê văn phòng	(780.382.663)	(413.620.000)
	Chi phí môi giới MBS Bond	(11.743.000.000)	-
	Chi phí tư vấn	-	(3.636.363.636)
	Chi phí khác	-	(119.000.000)
	Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(8.954.568.143)
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	Doanh thu cho thuê văn phòng	4.040.829.708	2.020.414.854
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Chi phí bảo hiểm cho nhân viên	(1.585.161.444)	(1.111.031.983)
Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI	Thu lãi tiền gửi	1.068.493	229.777.778
	Chi phí lãi vay	-	(17.062.499.999)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Doanh thu phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	323.575.857	333.317.129
	Phí tư vấn	-	(105.125.032)
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Tiền lương, thưởng và thù lao	(21.809.505.897)	(8.416.220.534)

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

41.1 Thông tin báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018					
1. Doanh thu hoạt động	719.787.852.633	185.764.865.990	88.742.291.732	59.608.568.242	1.053.903.578.597
2. Các chi phí trực tiếp	(347.973.236.531)	(174.971.933.721)	(53.881.598.743)	18.936.094.071	(557.890.674.924)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(200.303.193.938)	(51.694.809.579)	(24.695.282.654)	(16.587.924.569)	(293.281.210.740)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	171.511.422.164	(40.901.877.310)	10.165.410.335	61.956.737.744	202.731.692.933
Số dư cuối năm					
1. Tài sản bộ phận (*)	2.569.374.026.355	975.144.136.339	-	16.564.994.791	3.561.083.157.485
2. Tài sản phân bổ (*)	400.048.697.091	103.245.688.758	49.321.807.883	33.129.664.489	585.745.858.221
Tổng tài sản	2.969.422.723.446	1.078.389.825.097	49.321.807.883	49.694.659.280	4.146.829.015.706
Nợ phải trả bộ phận	3.319.387.090	10.754.347.186	-	-	14.073.734.276
Nợ phân bổ	1.571.025.392.210	405.454.635.533	193.690.950.971	130.103.021.271	2.300.273.999.985
Tổng công nợ	1.574.344.779.300	416.208.982.719	193.690.950.971	130.103.021.271	2.314.347.734.261

(*) Khoản mục được trình bày không bao gồm số dư phòng suy giảm giá trị.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

41.2 Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Đến 1 năm	18.769.829.720	8.617.080.077
Từ 1 đến 5 năm	33.461.328.940	8.715.056.175
Tổng cộng	52.231.158.660	17.332.136.252

41.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền gửi và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có số dư ngoại tệ rất nhỏ như được trình bày trong Thuyết minh số 28.3. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

41.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 98.551.166.882 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 291.076.666.145 VND). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

41.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND	Quá hạn và bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	458.449.693.695	-	-	458.449.693.695
Các khoản cho vay	2.300.284.385.457	-	-	2.300.284.385.457
Các khoản phải thu	15.310.236.369	-	250.779.404.529	266.089.640.898
Tổng cộng	2.774.044.315.521	-	250.779.404.529	3.024.823.720.050

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

41.2 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 - 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	458.449.693.695	-	-	458.449.693.695
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	326.435.333.150	-	-	326.435.333.150
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	388.321.895.099	-	-	388.321.895.099
Các khoản cho vay	-	2.300.284.385.457	-	-	2.300.284.385.457
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	223.584.964.268	-	-	223.584.964.268
Các khoản phải thu	-	24.205.336.253	-	-	24.205.336.253
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	147.043.631.211	13.140.151.640	-	-	160.183.782.851
Các khoản phải thu khác	103.735.773.318	2.170.084.729	-	-	105.905.858.047
Tài sản ngắn hạn khác	-	30.475.796.543	-	-	30.475.796.543
Tài sản cố định	-	-	-	27.196.700.057	27.196.700.057
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	-	10.456.433.957	10.456.433.957
Tiền nộp Quỹ bù trừ	-	-	-	10.051.174.530	10.051.174.530
Các tài sản dài hạn	-	-	81.277.661.799	-	81.277.661.799
Tổng cộng	250.779.404.529	3.767.067.640.834	81.277.661.799	47.704.308.544	4.146.829.015.706
NỢ TÀI CHÍNH					
Vay ngắn hạn	-	427.000.000.000	-	-	427.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	4.176.063.812	-	-	4.176.063.812
Phải trả người bán ngắn hạn	-	7.488.668.464	-	-	7.488.668.464
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	2.409.002.000	-	-	2.409.002.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	14.364.889.406	-	-	14.364.889.406
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	80.292.797.998	-	-	80.292.797.998
Phải trả, phải nộp khác	-	12.746.017.646	-	-	12.746.017.646
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	916.732.952.769	-	-	916.732.952.769
Quy khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.182.140.150	1.182.140.150
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	-	846.581.816.346	-	846.581.816.346
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	1.373.385.670	-	1.373.385.670
Tổng cộng	-	1.465.210.392.095	847.955.202.016	1.182.140.150	2.314.347.734.261
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	250.779.404.529	2.301.857.248.739	(766.677.540.217)	46.522.168.394	1.832.481.281.445

42. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu

Bà Lê Thị Thu Hiền

Phó phòng Kế toán

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Học

Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Nguyễn Thị Việt Oanh

Phó Tổng Giám đốc



HỘI SỞ

Tòa nhà MB

Số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội

Tel: + 84 24 3726 2600

Fax: + 84 24 3726 2601

Hotline: 1900 9088

www.mbs.com.vn
